

Số: /KH-UBND

Xuân Hải, ngày 29 tháng 12 năm 2014

**KẾ HOẠCH
Phòng, chống thiên tai năm 2015 và các năm tiếp theo**

Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai được Quốc hội thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2013;

Theo văn bản chỉ đạo số...ngày...tháng ...năm... của Tỉnh (Huyện)...

Nhằm chủ động trong công tác phòng, chống thiên tai, ứng phó kịp thời, hiệu quả, giảm thiểu thiệt hại do thiên tai gây ra, góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ kinh tế, xã hội của xã năm 2014, Ủy ban nhân dân xã Xuân Hải xây dựng Kế hoạch Phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn năm 2015 và các năm tiếp theo như sau:

A. Mục đích yêu cầu:

1. Nhằm tuyên truyền, giáo dục, cung cấp kiến thức về phòng, chống thiên tai và tác động của nó đến an toàn tính mạng và tài sản của người dân trong xã.
2. Xác định rõ trách nhiệm của tổ chức, cá nhân thuộc địa bàn xã trong hoạt động phòng, chống thiên tai theo quy định của pháp luật.
3. Chủ động phòng ngừa, ứng phó kịp thời để giảm thiểu thiệt hại về người và tài sản do thiên tai gây ra. Đồng thời khắc phục khẩn trương, có hiệu quả sau thiên tai.
4. Quán triệt và thực hiện có hiệu quả phương châm “bốn tại chỗ” (chỉ huy tại chỗ; lực lượng tại chỗ; phương tiện, vật tư tại chỗ; hậu cần tại chỗ).
5. Nâng cao năng lực xử lý tình huống, sự cố, chỉ huy, điều hành tại chỗ để ứng phó thiên tai có hiệu quả.
6. Nâng cao nhận thức cộng đồng trong “Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng” để phát huy ý thức tự giác, chủ động phòng, chống thiên tai của toàn dân trên địa bàn xã.
7. Cung cấp thông tin cho việc lồng ghép vào quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội tại địa phương.

B. Nội dung của “Kế hoạch phòng, chống thiên tai”:

I. Giới thiệu tình hình chung và những thông tin cơ bản trong xã:

Xã Xuân Hải được tách ra từ xã Xuân Lộc năm 1982, Xuân Hải là một xã ven biển tại bán đảo Xuân Hải ở thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên, Nam Trung Bộ Việt Nam. Xã còn giáp đầm Cù Mông. Đây cũng là xã cực Bắc của Phú Yên, sát thành phố Quy Nhơn của tỉnh Bình Định). Khu vực xã Xuân Hải có địa hình chủ yếu là núi đá và cát trắng. Cây trồng ở đây chủ yếu là dừa. Cư dân xã sống chủ yếu bằng nghề đánh các ven biển.

Xã nằm ở cực Đông Bắc tỉnh Phú Yên trên tuyến đường quốc lộ 1D (Quy Nhơn - Sông Cầu). phía Đông giáp biển Đông, phía Tây giáp đầm Cù Mông bên kia là 2 xã Xuân

Lộc & Xuân Bình, phía Nam giáp với xã Xuân Hòa, phía Bắc giáp với tp Quy Nhơn - Bình Định.

Là xã có diện tích theo chiều dài, phía đông là biển, phía tây là đầm Cù Mông. phần lớn là đất đồng bằng.

Hành chính xã có 5 thôn đánh số từ 1 đến 5:

1. Thôn 1: chủ yếu là đồng lúa
2. Thôn 2: là thôn giáp biển, phát triển du lịch với các bãi tắm đẹp (Bãi Bàu, Bãi Rạng...)
3. Thôn 3: là thôn trung tâm của xã- UBND xã Xuân Hải, chợ Xuân Hải, ngân hàng, bưu điện, trường học nằm trên địa bàn này
4. Thôn 4: là làng du lịch nằm trong dự án triển khai của tỉnh Phú Yên
5. Thôn 5: phát triển công nghiệp với Khu công nghiệp Đông Bắc Sông Cầu.

Xã có tuyến đường Quốc lộ 1D chạy qua 4 thôn: 2, 3, 4, 5; Tuyến đường liên xã Xuân Hải - Xuân Bình ở thôn 5, và đây là đoạn cuối của tuyến đường này.

Tất cả các thôn đều có các con đường bê tông rộng thoáng

Người dân chủ yếu là dân tộc Kinh, đa số là làm ngư dân, nuôi trồng thủy sản, phần ít làm nghề nông

Nổi tiếng với các món ăn hải sản: Cua, ghẹ hoa, ghẹ đá, ghẹ gạch, mực ống, mực lá, tôm hùm, tôm sú, tôm thẻ, cá thu, cá mú, các loại mắm. Cùng với các quán bè nằm ngay trên đầm Cù Mông, thu hút nhiều du khách đến từ Bình Định, Gia Lai.

1. Đặc điểm tự nhiên

a. Vị trí địa lý:

Xã Xuân Hải nằm ở phía Bắc thị xã Sông Cầu, có quốc lộ 1D đi qua Xã, kinh tế mũi nhọn của Xã là đánh bắt thủy sản và nuôi trồng thủy sản.

Ranh giới tiếp giáp:

- Phía Đông: Giáp với biển Đông.
- Phía Tây: Giáp xã Xuân Lộc, Xuân Bình.
- Phía Nam: Giáp xã Xuân Hòa.
- Phía Bắc: Giáp thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

Với vị trí của Xã cách xa trung tâm thị xã Sông Cầu, hình thành khu công nghiệp Đông Bắc Sông Cầu, các khu du lịch và giáp ranh với thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định nên rất thuận lợi cho việc phát triển kinh tế, nhưng tình hình an ninh chính trị - trật tự an toàn xã hội tương đối phức tạp.

b. Địa hình:

Địa hình xã tương đối phức tạp, dốc thấp từ Đông sang Tây, là dãy cát dài từ phía Bắc vào Nam, phía Đông là biển Đông, độ dốc trung bình khoảng 4^0 , độ cao trung bình 50 m. Có 02 kiểu địa hình chính: Kiểu địa hình gò núi thấp, cao và kiểu địa hình thấp sen đầm vịnh.

Nhìn chung, địa hình của Xã được phân chia thành hai vùng rõ rệt, đồi núi và đồng bằng nên thuận lợi cho canh tác phát triển sản xuất nông nghiệp, xây dựng cơ sở hạ tầng và nhà ở của nhân dân.

c. Khí hậu:

Xã có đặc điểm khí hậu chung của vùng duyên hải Miền Trung – Nam Trung Bộ, chịu ảnh hưởng của đại dương nên có khí hậu nhiệt đới nóng ẩm, mưa theo mùa, với hai mùa rõ rệt trong năm. Mùa khô từ tháng 01 đến tháng 8, mùa mưa từ tháng 9 đến tháng 12. Nhiệt độ trung bình tương đối cao và ổn định, trung bình 26,7⁰C. Mặc dù mùa khô kéo dài nhưng nhờ ảnh hưởng của Biển Đông nên độ ẩm cao, khí hậu mát mẻ thuận lợi cho tiềm năng du lịch.

2.Tài nguyên:

a. Đất đai: Tổng diện tích đất tự nhiên 2.873,56 ha. Trong đó:

STT	Chi tiêu	Mã	Năm 2010	
			Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
I	Đất nông nghiệp	NNP	1351,43	47,03
1	Đất sản xuất nông nghiệp	SXN	240,67	8,38
1.1	Đất trồng cây hàng năm	CHN	30,42	1,06
1.2	Đất trồng cây lâu năm	CLN	210,25	7,32
2	Đất lâm nghiệp	LNP	913,52	31,79
2.1	Đất rừng sản xuất	RSX	92,20	3,21
2.2	Đất rừng phòng hộ	RPH	821,32	28,58
2.3	Đất rừng đặc dụng	RDD		
3	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	197,24	6,86
4	Đất làm muối	LMU		
5	Đất nông nghiệp khác	NKH		
II	Đất phi nông nghiệp	PNN	778,09	27,08
1	Đất ở tại nông thôn	ONT	37,75	1,31
2	Đất chuyên dùng	CDG	266,02	9,26
2.1	Đất trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp	CTS	0,40	0,01
2.2	Đất an ninh, quốc phòng	CQA	0,05	0,00

2.3	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	208,14	7,24
2.4	Đất có mục đích công cộng	CCC	57,43	2,00
3	Đất tôn giáo tín ngưỡng	TTN	0,60	0,02
4	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	NTD	10,00	0,35
5	Đất sông suối và mặt nước chuyên dùng	SMN	463,72	16,14
6	Đất phi nông nghiệp khác	PNK		
III	Đất chưa sử dụng	CSD	744,04	25,89
1	Đất bằng chưa sử dụng	BCS	88,23	3,07
2	Đất đồi núi chưa sử dụng	DCS	655,81	22,82
3	Núi đá không có rừng cây	NCS		
Tổng diện tích tự nhiên			2.873,56	100,00

b. Rừng:

Chủ yếu là rừng trồng phòng hộ chắn gió, chắn cát và rừng sản xuất; đất trồng rừng phòng hộ theo chương trình PAM.

Tổng diện tích đất lâm nghiệp: 913,52 ha, chiếm 31,79% diện tích đất tự nhiên. Tài nguyên rừng hầu như cạn kiệt do khai thác lâu đời; rừng trồng sinh trưởng và phát triển chậm do đồi núi trọc từ lâu bị thoái hóa, độ che phủ ở mức độ trung bình.

c. Mặt nước: Tổng diện tích nuôi trồng thủy sản trên địa bàn Xã là: 159,9 ha. Trong đó:

- Diện tích đất nuôi tôm sú: 100,05ha.

- Diện tích nuôi vật nuôi khác: 59,85 ha.

- Mạch nước ngầm: Địa hình dọc theo Đầm Cù Mông nên có mạch nước ngầm rất tốt, riêng thôn 1 nguồn nước bị nhiễm phèn.

3. Đặc điểm dân sinh, kinh tế - xã hội và cơ sở hạ tầng:

3.1 Dân số:

a. Dân số: Tổng dân số trên địa bàn Xã: 2.287 hộ với 10.045 nhân khẩu.

Dân số	Xã/thôn		
	Tổng	Nam	Nữ
Số hộ	2.287		
Số khẩu	10.045	5.137	4.908
Số hộ nghèo	113		

Dân số	Xã/thôn		
	Tổng	Nam	Nữ
Độ tuổi lao động (18-60 tuổi)	6.962		
Đối tượng dễ bị tổn thương:			
-Người cao tuổi	152		
-Trẻ em	2.084		
-Người khuyết tật	217		
-Phụ nữ có thai và nuôi con nhỏ dưới 12	211		
-Người bị bệnh hiểm nghèo	12		
-Người sống trong vùng rủi ro	258		

b. Phân bố dân cư

Thôn	Số hộ	Số khẩu	Số hộ nghèo	Đối tượng dễ bị tổn thương					
				Người cao tuổi	Trẻ em	NK T	Phụ nữ	Bệnh hiểm nghèo	Hộ trong vùng rủi ro
1	324	1390	19	31	346	52	880	1	18
2	815	4078	44	47	694	27	1530	5	178
3	342	1413	16	28	315	40	798	3	21
4	405	1713	19	24	337	47	875	2	17
5	352	1451	15	22	392	51	825	1	24
Tổng	2.238	10.045	113	152	2.084	217	4.908	12	258

c. Đặc điểm lao động, những thuận lợi và khó khăn:

- **Đặc điểm lao động:** Người dân trên địa bàn xã lao động chính bằng nghề đánh bắt, nuôi trồng thủy sản và một số lao động làm công nhân tại khu công nghiệp nên thu nhập không ổn định.

- Thuận lợi:

- + Có nguồn lao động dồi dào.
- + Có tinh thần học hỏi, nhiệt tình trong công việc.

- Khó khăn:

- + Trình độ thấp, không có chuyên môn nghiệp vụ.

+ Tỷ lệ thấp nghiệp cao.

Trong đó:

- Thôn 1: Có 324 hộ, với 1.390 nhân khẩu;
- Thôn 2: Có 815 hộ, với 4.078 nhân khẩu;
- Thôn 3: Có 342 hộ, với 1.413 nhân khẩu;
- Thôn 4: Có 405 hộ, với 1.713 nhân khẩu;
- Thôn 5: Có 352 hộ, với 1.451 nhân khẩu;

Nam 5.137 người chiếm tỷ lệ 51,14%; Nữ 4.908 người chiếm tỷ lệ 48,86%;

Số người trong độ tuổi lao động: 5.299 người chiếm tỷ lệ 52,75%;







3.2 Giáo dục:

- Đạt và duy trì được chuẩn Quốc gia và phổ cập giáo dục Tiểu học, chống mù chữ.
- Hàng năm, tỷ lệ huy động trẻ 6 tuổi vào lớp 1 đạt tỷ lệ 100%.
- Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp Tiểu học hàng năm vào lớp 6 THCS phổ thông đạt trên 96%; đảm bảo trên 80% số trẻ nhóm tuổi 11 – 14 tốt nghiệp Tiểu học, số trẻ em còn lại trong độ tuổi này tiếp tục đang học Tiểu học.
- Tỷ lệ tốt nghiệp THCS hàng năm đạt từ 96% trở lên; đảm bảo trên 80% thanh thiếu niên từ 15 đến hết 18 tuổi có bằng tốt nghiệp THCS cả hai hệ.
- Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS được tiếp tục học Trung học phổ thông là 74,91%.
- Tỷ lệ lao động qua đào tạo có 991/5.510 người đạt 18,7% (trong đó bồi dưỡng nghề ngắn hạn 851 lao động, có bằng trung cấp chuyên môn trở lên 140 lao động).

Thông kê về giáo dục:

ST T	Tên trường	Số phòng học	Số phòng chức năng	Diện tích (m ²)	Số lớp	Số học sinh	Số giáo viên	Tỷ lệ phổ cập	Đạt quy chuẩn QG
01	THCS Tô Vĩnh Diện	11	02	15.669,3	19	700	38	81,2%	Chưa đạt
02	Tiểu học số 1	20	04	7.341	28	694	34	90%	Đạt chuẩn năm 2010
03	Tiểu học số 2	06	00	1.415	10	285	13		Chưa đạt
04	Trường Mầm non	05	00	2429	05	157	05	100%	Chưa đạt
05	Trường Mầm non tư thục	4	4	1.125	05	120	05		Đạt chuẩn năm 2008

3.3. Cơ sở vật chất phục vụ hành chính và dân sinh:

Công trình	Quy mô	Vốn xây dựng	Hình ảnh
Công trình hành chính và phục vụ dân sinh của xã			
Bưu điện xã	Nhà cấp 3, diện tích 0,16 ha		
Ngân hàng Nông nghiệp	Nhà cấp 3		
Cơ quan xã đội	Nhà cấp 4	605.000 đồng	
Nhà văn hóa xã Khu Thể Thao xã	Chuẩn Quốc gia, diện tích: 4.490 m ² Diện tích: 12.650m ²	1.036.000.000đ (Nguồn vốn xã bãi ngang) 316.982.941đ (Nguồn vốn sự nghiệp kinh tế thị xã)	
01 phòng học trường Mầm non (điểm trường thôn 4)	Diện tích: 80,86m ²	478.600.224đ (Nguồn vốn ngân sách cân đối tập trung)	
Trụ sở làm việc UBND xã Xuân Hải	Nhà cấp 3, Diện tích: 10.200m ²	kinh phí 2.600.000.000 đồng	
Xây dựng mới 10 phòng học Trường Tô Vĩnh Diện, Sửa chữa, cải tại 03 phòng học	Xây mới diện tích: 1.336m ² Sửa chữa diện tích 194m ²	6.052.912.582 đồng	
Công trình phục vụ công tác phòng, chống thiên tai của nhà nước			

Rừng phòng hộ	821,32 ha		

Cơ sở sản xuất, dịch vụ, kinh doanh trên địa bàn:

1. Doanh nghiệp KD xăng dầu Khổng Lang
2. Doanh nghiệp KD xăng dầu Minh Lộc
3. Doanh nghiệp Du lịch Bãi bầu
4. Cty TNHH Phạm New Enter Prises¹
5. DNTS Đắc Lộc (Diện tích 17,8 ha)
6. Khu công nghiệp (19 Cty)
7. 357 tàu thuyền đánh bắt thủy sản
8. 04 cơ sở sửa chữa đóng mới tàu

3.4 Chợ:

- Hiện nay trên địa bàn Xã có 1 chợ trung tâm của Xã tại Thôn 3, diện tích 0,12 ha và một chợ tự nhóm tại Thôn 4, diện tích 0,1120 ha, nhìn chung công tác quản lý chợ hiện nay chưa đi vào nề nếp theo quy định.

- Công trình Chợ Xuân Hải, với diện tích: 31.929,93m², với kinh phí thực hiện trên 4.530.038.088 đồng, hiện nay đang tổ chức đấu thầu để lựa chọn nhà thầu và sẽ tiến hành thi công cuối năm 2014;

3.5 Bưu điện:

Có 01 bưu điện tại Thôn 3 với diện tích 0,16 ha;

Có truy cập Internet đến từng Thôn.

Có 04 trạm viễn thông (02 trạm Viettel và 02 trạm mobi) và 08 đại lý (02 trạm vinaphone, 02 trạm mobiphone, 03 trạm viettel, 01 trạm Htmobi).

3.6. Nhà ở khu dân cư nông thôn:

Nhà tạm, nhà dột nát: còn 69 nhà tạm, dột nát (trong đó 49 nhà thuộc hộ nghèo có mã số), chiếm 3,23%.

Nhà bán kiên cố và nhà kiên cố: chiếm 96,77%

Tuy nhiên, tình trạng nhà ở khu dân cư vẫn còn phân bố rải rác, không đồng đều, việc xây dựng không có thiết kế mẫu, không có hệ thống thoát nước đảm bảo theo quy định. Do đó, thời gian tới tranh thủ sự hỗ trợ của Nhà nước, các tổ chức và phải tuyên truyền vận động nhân dân thực hiện.

4. Thực trạng về kinh tế và tổ chức sản xuất:

¹ Tác tượng đá Granits xuất khẩu gắn với trung tâm công viên cây xanh nghỉ dưỡng

4.1. Kinh tế:

a. Sản xuất Ngư - nông - lâm nghiệp

- Ngư nghiệp:

Thủy sản được xác định là ngành kinh tế mũi nhọn của Xã, mặc dù nghề nuôi tôm sú còn gặp nhiều khó khăn về thời tiết, tình hình dịch bệnh còn xảy ra cục bộ ở một số vùng nuôi, giá cả đầu ra thấp nhưng diện tích nuôi trồng từng bước được khôi phục và tiếp tục duy trì ổn định ở mức 130 ha, đối tượng và hình thức nuôi luôn được đa dạng hóa, các biện pháp như thả thưa, đúng thời vụ, thả 1 vụ/năm, tuân thủ kỹ thuật canh tác nên đã mang lại kết quả, năng suất đạt bình quân 0,8 tấn/ha. Nhiều hộ nuôi có lãi từ 30 – 40 triệu đồng. Một số đối tượng nuôi khác như cá mú, cá chẻm, hải sâm, Cua, ghẹ... mang lại hiệu quả kinh tế, nhiều hộ thu hoạch có lãi. Nghề nuôi baba nước ngọt tiếp tục phát triển, sự sinh trưởng tương đối ổn định, có hộ thu hoạch lãi gần 80 triệu đồng.

Đã xây dựng 15 tổ nuôi tôm sú có sự quản lý cộng đồng, duy trì hoạt động theo quy chế đã đề ra.

Khu sản xuất giống thủy sản sạch bệnh với quy mô 47,8353 ha, sau khi được chuyển giao cho Doanh nghiệp Thủy sản Đắc Lộc làm chủ đầu tư với tổng mức đầu tư trên 248,88 tỉ đồng đã đưa vào hoạt động và mang lại hiệu quả kinh tế rất cao năng suất đạt 50 - 70 tấn/ha/năm, lợi nhuận khoảng 20 tỷ đồng/năm.

Nghề khai thác thủy sản tiếp tục được phát triển theo hướng chiều sâu, tàu thuyền có công suất lớn, trang bị phương tiện hiện đại. Hiện nay, trên địa bàn xã có 308 phương tiện tàu thuyền với tổng công suất 6836Cv. Sản lượng hải sản khai thác hàng năm đều tăng lên và đạt bình quân 3.000 tấn/năm. khai thác tôm hùm giống ước đạt 25.500 con giống;

Phối hợp với Đoàn Biên phòng Xuân Thịnh thành lập mới 02 Tổ, kiện toàn 04 Tổ tàu thuyền an toàn và tổ chức sinh hoạt gia đình, dòng họ xã Xuân Hải theo định kỳ.

Nghề nuôi trồng thủy sản: Được xác định là ngành kinh tế mũi nhọn của xã, do đó hàng năm đưa vào thả nuôi diện tích duy trì ổn định ở mức 130ha, đối tượng và hình thức nuôi luôn được đa dạng hóa, các biện pháp như thả thưa, đúng lịch thời vụ, tuân thủ kỹ thuật canh tác nên đã mang lại kết quả, năng suất đạt bình quân 0,9 tấn/ha. Công tác bảo vệ nguồn lợi thủy sản tiếp tục được quan tâm: Đã kiện toàn Tổ kiểm tra liên ngành bảo vệ nguồn lợi thủy sản trong khu vực Đầm Cù Mông, tổ chức triển khai kế hoạch tuần tra, kiểm tra đối với các phương tiện khai thác thủy sản trái phép trong Đầm Cù Mông.

Tổng số tàu thuyền của Xã với tổng cộng 367 tàu - 7473 CV. Sản lượng hải sản khai thác hàng năm đều tăng lên và đạt 2.000 tấn. Ngoài ra, số lượng tôm hùm giống khai thác hàng năm từ 25.000 con đến 100.000 con. Công tác bảo vệ nguồn lợi thủy sản được tăng cường, các hoạt động khai thác thủy sản bằng chất nổ trên biển; giã cào, xung điện, bóng Thái Lan trong đầm Cù Mông được ngăn chặn có kết quả.

- Nông nghiệp:

Diện tích gieo trồng cây hàng năm luôn giữ mức 6 ha (chủ yếu là lúa), năng suất đạt 3,5 tấn/ha/năm. Từ năm 2005 đến nay thực hiện Chương trình chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi đã cải tạo vườn dừa lão hóa và trồng mới 3113 cây dừa, chăm sóc 59,77 ha điều, trong đó điều trồng mới 26,77 ha.

Chăn nuôi giữ mức ổn định, tổng đàn bò hiện có 256 con, (trong đó: *bò lai sind* 32 con, chiếm 12,5%), đàn heo 1.890con (trong đó: Heo hướng nạc 975 con, chiếm 51,6%). Ngoài ra đàn dê luôn giữ mức 82 con.

- Công tác phòng, chống dịch bệnh cho gia súc, gia cầm và NTTS:

Công tác phòng chống dịch bệnh ở cây trồng và vật nuôi được triển khai tích cực, không để dịch bệnh xảy ra trên địa bàn Xã. Tổ chức triển khai các biện pháp phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm, triển khai kế hoạch tiêm phòng vaccin LM-LM và phun thuốc sát trùng penkocid trên địa bàn xã, trong năm 2014 tiêm vacxin LMLM cho đàn bò 425 liều, phun thuốc sát trùng penkocid 22 lít; Tiêm phòng vaccin Tụ huyết trùng cho đàn Bò là 175 liều;

Kiểm tra dịch bệnh nuôi trồng thủy sản phát hiện 07 hộ, ước thiệt hại 112 triệu (Chủ yếu là bệnh ở Cá Mú). Đã phối hợp với trạm thú y thị xã hướng dẫn cho các hộ NTTS xử lý dịch bệnh.

b. Về Công nghiệp, TTCN, thương mại và dịch vụ:

- Sản xuất Thương mại- dịch vụ:

Toàn Xã hiện có 124 hộ sản xuất kinh doanh, 02 doanh nghiệp tư nhân kinh doanh xăng dầu, 2 doanh nghiệp hoạt động trên lĩnh vực dịch vụ, du lịch và 1 công ty TNHH Phạm New Enter Prises vốn 100% nước ngoài đầu tư trên lĩnh vực tác tượng đá Granits xuất khẩu gắn với trung tâm công viên cây xanh nghỉ dưỡng. Ngoài ra, có 3 công ty TNHH đã được cấp có thẩm quyền cho thuê đất và 3 chủ đầu tư đang lập dự án xin thuê đất để đầu tư vào lĩnh vực dịch vụ du lịch, trung tâm thương mại.

Dịch vụ Bưu chính, viễn thông, tín dụng ngân hàng, dịch vụ vận tải hàng hóa và hành khách phát triển rộng khắp. Hiện nay, toàn Xã có 04 trạm viễn thông điện thoại di động và 08 đại lý Vina phone, Mobi phone, Viettel, HT mobi; 1 điểm bưu điện văn hóa, 1 khu văn hóa thể thao, 1 chi nhánh ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn và 4 điểm dịch vụ Internet tư nhân hoạt động đáp ứng nhu cầu cho nhân dân trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Tổng dư nợ cho vay bình quân hàng năm đối với hoạt động sản xuất kinh doanh trên 7,4 tỉ đồng và huy động tiền gửi tiết kiệm trong nhân dân, tổng số dư tiền gửi đến cuối năm 2009 trên 25 tỉ đồng.

Hiện nay, tổng số trên địa bàn xã có 25 công ty, doanh nghiệp đang hoạt động (Trong đó: KCN 16 công ty), đã giải quyết việc làm cho hơn 2.000 lao động ở trong và ngoài địa phương (trong đó: khoản 650 người lao động địa phương); phối hợp với các cơ quan chức năng lập phương án đền bù mở rộng thêm khu sản xuất giống của DNTS Đặc Lợi với diện tích 17,8 ha;

Thành lập Ban chỉ đạo phát triển và quản lý chợ, triển khai kế hoạch sắp xếp, bố trí hợp lý việc mua bán trong chợ đảm bảo ANTT, PCCC, VSMT tại chợ. Tình hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tương đối ổn định, hiện trên địa bàn xã có 492 hộ sản xuất, kinh doanh nhỏ lẻ, 02 doanh nghiệp tư nhân kinh doanh xăng dầu và 01 doanh nghiệp hoạt động trên lĩnh vực dịch vụ, du lịch.

Chuyển dịch cơ cấu kinh tế: Thương mại - dịch vụ - du lịch chiếm 27,8%; ngư, nông, lâm nghiệp, chiếm 41,2%; công nghiệp - xây dựng – tiểu thủ công nghiệp 31%. thu nhập bình quân đầu người là 20 triệu đồng/người/năm, tỷ lệ hộ nghèo còn là 4,93%.

- Công nghiệp - TTCN:

Toàn Xã có 04 cơ sở sửa chữa và đóng mới tàu thuyền phục vụ tốt cho hoạt động nghề cá ở địa phương và có 17 doanh nghiệp đang hoạt động trong khu công nghiệp Đông Bắc Sông Cầu chủ yếu là sản xuất các mặt hàng mộc dân dụng xuất khẩu với sản lượng sản phẩm khá lớn và đã thu hút trên 1.600 lao động ở trong và ngoài địa phương.

4.2 Hộ nghèo:

Theo kết quả điều tra hộ nghèo năm 2010 của Xã: Hiện nay toàn Xã còn 341 hộ nghèo, chiếm tỷ lệ 15,24%.

4.3. Cơ cấu lao động:

Số người trong độ tuổi lao động 5.299 người, được phân theo các ngành nghề như sau:

Công nghiệp-dịch vụ:	680 lao động, tỷ lệ 12,83%.
Thương nghiệp:	505 lao động, tỷ lệ 9,53%.
Ngư nghiệp:	3.214 lao động, tỷ lệ 60,65%.
Nông nghiệp:	356 lao động, tỷ lệ 6,72%.
Lâm nghiệp:	190 lao động, tỷ lệ 3,59%.
Lao động khác:	354 lao động, tỷ lệ 6,68%.

Trong đó, làm việc trong lĩnh vực nông – lâm – ngư nghiệp chiếm 71,85%.

4.3. Hình thức tổ chức sản xuất:

Chủ yếu là các hộ sản xuất, kinh doanh nhỏ lẻ. Ngoài ra, các mô hình trang trại, dịch vụ du lịch, hiện có 11 dự án đầu tư kinh tế trang trại vườn rừng kết hợp trồng trọt chăn nuôi với tổng số lao động trong các trang trại là 33 người, 11 dự án đầu tư dịch vụ du lịch và 01 Doanh nghiệp hoạt động sản xuất tôm giống sạch với 133 lao động làm việc

Hiện không có tổ hợp tác hoặc hợp tác xã hoạt động có hiệu quả.

5. Y tế, nước sạch, sức khỏe, môi trường:

5.1. Y tế:

Trạm y tế, diện tích: 507,5 m² ; trưởng trạm trình độ Trung cấp y sĩ và 4 nhân viên (01 trung cấp, 03 sơ cấp).

Nhìn chung, cơ sở vật chất còn thiếu thốn chưa đáp ứng yêu cầu khám, chữa bệnh cho nhân dân.

Tỷ lệ người dân tham gia BHYT: Hiện xã có 6.675/9.496 người dân tham gia BHYT, đạt tỷ lệ 70,3%. Đạt chuẩn ($\geq 70\%$).

Mức độ đạt chuẩn Quốc gia của Trạm y tế:

Y tế Xã chưa đạt chuẩn Quốc gia theo chuẩn của Bộ Y tế và chuẩn nông thôn mới. Do đó, cần phải tập trung đầu tư thực hiện, trong đó cần tập trung xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho khám chữa bệnh và nâng cao nhân lực của đội ngũ y bác sỹ.

5.2. Nước sạch - Môi trường:

- Hiện trạng sử dụng nước của dân cư trong Xã:

Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch hợp vệ sinh theo quy chuẩn Quốc gia: Hiện xã có 2.287/2.287 hộ sử dụng nước sạch hợp vệ sinh, đạt tỷ lệ 100%. Đạt chuẩn (85%)

Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn Quốc gia: xã có 1.407/2.287 hộ sử dụng nước sạch theo quy chuẩn quốc gia, đạt tỷ lệ 61,52%. Đạt chuẩn (50%)

- Hiện trạng về vệ sinh môi trường: Công tác bảo vệ môi trường được quan tâm chú trọng, hằng ngày có xe thu gom rác thải hoạt động trên địa bàn xã. Ý thức bảo vệ vệ sinh môi trường trong nhân dân từng bước được nâng lên; tổng số hộ toàn xã có đủ 03 công trình vệ sinh hợp chuẩn: 1.761/2.287hộ, chiếm tỷ lệ 77%; Rác thải sinh hoạt hàng ngày được thu gom và xử lý hợp vệ sinh đạt 90%, đạt chỉ tiêu NQ đề ra là 90%.

Các cơ sở SX-KD đạt chuẩn về môi trường: có 495/495 cơ sở sản xuất kinh doanh đạt chuẩn về môi trường, đạt tỷ lệ 100%. Đạt chuẩn.

Không có các hoạt động gây suy giảm môi trường và có các hoạt động phát triển môi trường xanh, sạch, đẹp: Đạt chuẩn. Ở xã không có các hoạt động gây suy giảm môi trường, đồng thời có các hoạt động phát triển môi trường xanh, sạch, đẹp cụ thể như: hàng tuần lực lượng thanh niên của xã cùng với nhân dân tham gia dọn dẹp vệ sinh tại 02 điểm tập kết rác thải ở thôn 2, dọc bãi biển thôn 2 và dọc Quốc lộ 1D.

Chất thải, nước thải được thu gom xử lý theo quy định: Hiện đã đạt, chiếm tỷ lệ 100%.

Các hoạt động thường xuyên phát triển môi trường xanh, sạch đẹp, vận động trồng cây xanh ở các trường, cơ quan, tổ chức chiến dịch tuyên truyền nhân ngày môi trường thế giới...

- Tình trạng nghĩa trang: Nghĩa trang được xây dựng theo quy hoạch được xây dựng tại thôn 1, mở rộng thêm 5.000 m² đã đưa vào sử dụng.

II. Tổng hợp phân tích tình hình

1. Tình hình thiên tai

a. Nhận xét chung:

Do đặc điểm về địa hình với 02 kiểu địa hình chính: Kiểu địa hình gò núi thấp, cao và kiểu địa hình thấp sen đầm vịnh, bờ biển khoảng 12 km có đồi núi chiếm 1/3 diện tích toàn xã tạo điều kiện thuận lợi cho các ngành nghề đánh bắt thủy hải sản phát triển; Tuy nhiên, do tình trạng thời tiết và khí hậu thay đổi tần suất thiên tai tác động đến đời sống và kinh tế của người dân không cao; Trong thời gian 15 năm trở lại đây đã bị tác động 2 cơn bão (năm 2001, 2014), tình trạng nắng nóng kéo dài gần đây cũng gia tăng.

Bảng thông tin lịch sử thiên tai

Năm	Loại thiên tai	Đặc điểm và xu hướng	Khu vực	Thiệt hại gì
2001 (Tháng 9)	Bão	Cấp 8+9 cường độ tăng dần	Thôn 2	6 nhà ở và 1 người chết thiệt hại tài sản (vỡ đĩa, tôm chết, ghe thuyền bị chìm đắm gia súc, gia

Năm	Loại thiên tai	Đặc điểm và xu hướng	Khu vực	Thiệt hại gì
				cầm chết, dừa gãy sạt lở đường bê tông. Một số hộ dân bị tóc mái
2009 (Tháng 5)	Lốc xoáy, lụt	Xảy ra bất thường trong 1 thời gian ngắn cấp độ gió tăng dần mưa to, mưa giông	Thôn 1,2	Tài sản(Chìm ghe, nhà sập, gãy dừa, 1 số nhà bị tóc mái). Nuôi trồng thủy sản: Vỡ đìa, tôm chết, nước dâng tôm ra ngoài, cá cua chết, gia súc gia cầm chết
2003 đến nay (T5,6,7,8)	Hạn hán	Nắng nóng kéo dài, gây nước nóng, xu hướng tăng, thời cơ mưa rào	Thôn 3,4,5	Gây chết tôm, cá, ghe cua khoảng 70% Chết hoa màu, cây công nghiệp, làm cản cỏ mất năng suất(rải rác) Chết gia súc, gia cầm khoảng 2.300 con
2014	Bão	Cấp độ nhẹ giảm dần đủ theo dõi	Thôn 3,4,5	Sập 2 nhà, tóc mái 08 cái. Gãy 7 cây dừa Tóc mái khu Đắc Lộc Bể hồ Ba Ba(200 con) Ngập úng dọc đường Bê tông gây khó khăn đi lại
2014	Cháy rừng	Do nắng nóng cùng với ý thức của người dân	Thôn 1,2,4	Thiệt hại 6,5 ha
Từ năm 2003 đến nay	Ngập úng	Thường xuyên, cường độ tăng	Thôn 3,4,5	Thiệt hại hoa màu Cản trở giao thông

- Những thiệt hại và tác động của nó đã xảy ra ở địa phương;

Tuy thiên tai xảy ra trên địa bàn với tần suất thấp, tuy nhiên thiệt hại gây ra cho người dân cũng không ít, Bão năm 2001 đã làm chết 1 người do nhà yếu sập đè chết, gãy vỡ đìa và đầm nuôi thủy sản, gãy đổ các cây dừa, làm chìm thuyền, sạt lở đường làm chia cắt giao thông và chết gia súc, gia cầm; Ngoài việc thiệt hại trực tiếp do bão, mưa lớn đã làm ngập úng tràn ngập các đầm nuôi thủy sản gây "nhiễm ngọt" đã tổn thất tôm, cá chết; tình trạng ô nhiễm môi trường...

Do ý thức và kiến thức của người dân chưa được nâng cao trong việc phòng, chống thiên tai, thông tin cảnh báo chưa kịp thời ngoài thiệt hại về kinh tế, nhà ở và tài sản của người dân cũng bị thiệt hại, sét đánh hư hại các phương tiện trong gia đình.

Tình trạng nắng nóng kéo dài cũng gây thiệt hại và làm cho người dân trong vùng rủi ro nhất là thôn 1 thiếu nước sử dụng và gây ra tình trạng cháy rừng (Năm 2014 đã xảy ra 02 trường hợp cháy rừng trồng của dân, ước thiệt hại 6,5 ha do ý thức của người dân và tình trạng nắng nóng kéo dài).

- Những bài học kinh nghiệm đã được rút ra;

Công tác truyền thông nâng cao nhận thức cho người dân về ý thức phòng, chống thiên tai cần được nâng cao thông qua nhiều kênh, nhiều phương tiện; Việc xây dựng bản đồ rủi ro từ cấp thôn đến cấp xã cần được phổ biến rộng rãi trong người dân và các tổ chức xã, hội, các ngành, đoàn thể liên quan.

Sự phối hợp giữa các cấp chính quyền, đoàn thể và các lực lượng cần được quán triệt một cách cụ thể về mục tiêu và nhiệm vụ với từng tổ chức và các nhân.

Việc thực hiện phương châm 4 tại chỗ cần được cụ thể hóa trong từng hoạt động và từng giai đoạn của công tác phòng, chống thiên tai; Đồng thời phải huy động được tối đa các nguồn lực từ chính quyền, các tổ chức đoàn thể xã hội, các doanh nghiệp tại địa phương.

- Nhận định về nguy cơ những loại hình thiên tai có thể xảy ra trong thời gian tới.

Trong tình trạng biến đổi khí hậu, với tăng suất và cường độ thiên tai ngày càng tăng như tình trạng nắng nóng kéo dài, hạn hán, ngập lụt, triều cường thường xuyên; giông, bão thưa hơn. Những thiên tai tác động lớn đến đời sống và kinh tế người dân chủ yếu là nuôi trồng thủy hải sản, tôm, cá chết; cây dừa ngã đổ gây sập nhà.

2. Phân tích rủi ro - Lựa chọn giải pháp

Những rủi ro của cộng đồng do các nguyên nhân chính bởi kinh tế của người dân còn khó khăn, không có đất để di dời và sinh sống; Người dân còn chủ quan, hệ thống thông tin cảnh báo tuy có nhưng nội dung và hướng dẫn các kiến thức cho người dân chưa được nâng cao, nhận thức về phòng, chống thiên tai kém nên không chằng chống nhà cửa trước khi thiên tai xảy ra;

Các chính sách hỗ trợ cho người dân còn thấp, nhà ở chưa được quy hoạch cộng với thu nhập và kinh tế người dân còn thấp nên việc kiên cố hóa nhà ở phòng tránh các rủi ro còn hạn chế.

Hệ thống thoát nước chưa tốt dẫn đến tình trạng ngập úng vào những lúc mưa nhiều, nước sông suối lắng đọng không có chỗ thoát gây nên tình trạng ô nhiễm môi trường và tràn ngot vào các địa nuôi trồng thủy sản.

Ngoài thiên tai gây ra thiệt hại cho người dân, tình trạng giống nuôi trồng chưa được kiểm soát gây ra mầm bệnh cho tôm, cá.

Do lợi ích trước mắt và cuộc sống mà bất chấp nguy cơ nên người dân ra biển đánh bắt trong những lúc biến động.

Công cụ đánh bắt còn nhỏ và thô sơ không chống chịu được với sóng to gió lớn

Bảng xếp hạng về thiên tai và rủi ro

Số thứ tự	Thông tin xếp hạng	Thứ tự xếp hạng theo thôn					Thứ tự xếp hạng
		Thôn 1, 2		Thôn 3,4,5		Toàn xã	
	Rủi ro Thiên tai	Na m	N ữ	Na m	N ữ		
1.	Thiệt hại về người, nhà cửa tài sản do bão	12	13	12	8	45	1
2.	Giao thông đi lại khó khăn trong mùa mưa bão (đường ngập úng, cây ngã đổ)	7	9	7	4	27	2
3.	Ô nhiễm nguồn nước	12	13	1		26	3
4.	Thiệt hại về người và tài sản do sét	11	13			24	4
5.	Ao, đĩa bị vỡ bờ nhiễm ngọt gây Thiệt hại về nuôi trồng thủy sản.	7	6	6	2	21	5
6.	Thiệt hại về gia súc, gia cầm	5	7	6	2	20	6
7.	Mất đất do triều cường	6	10			16	7
8.	Thiệt hại về hoa màu, lúa và cây trồng lâu năm (dừ, bạch đàn)	4	6	1		11	8
9.	Chìm ghe, thuyền	5	4		1	10	9

3. Xác định những vấn đề cấp thiết của cộng đồng – mối quan tâm của người dân

Xác định rõ những vấn đề cấp thiết cần làm ngay trước mùa thiên tai bão, lũ và các thiên tai khác, xem xét xử lý mối quan tâm lo ngại của người dân đối với những rủi ro có thể xảy ra.

3.1 Vấn đề nước sạch cho người dân thôn 1

3.2 Vấn đề thông tin cảnh báo về thiên tai cho người dân và việc nâng cao ý thức cảnh giác, phòng chống giảm thiệt hại do thiên tai.

3.3 Vấn đề thiệt hại nhà ở, tàu, thuyền và sản phẩm nuôi trồng của người dân

3.4 Tình trạng nước ngập úng khi có mưa lớn kết hợp với triều cường

Các phương án PCTT và TKCN của xã không đáp ứng yêu cầu ứng phó với siêu bão (cấp 12 trở lên); do đó khi triển khai ứng phó với bão số 14 (siêu bão HaiYan) rất lúng túng, khó khăn;

Kinh phí chi phục vụ công tác PCLB và TKCN còn thấp nên việc điều động và hỗ trợ cho các lực lượng Dân quân, dân phòng còn gặp rất nhiều khó khăn;

Một số bộ phận nhân dân còn nhận thức hạn chế trong việc tác hại của thiên tai, có tư tưởng chủ quan, ý lại khi có tin bão, ATNĐ.

Kế hoạch phòng, chống thiên tai theo quy định của Luật phòng, chống thiên tai chưa được thực hiện đúng quy trình và theo phương pháp tiếp cận dựa vào cộng đồng từ dưới lên.

4. Xác định các yếu tố dễ bị tổn thương

4.1 Lĩnh vực An toàn cộng đồng:

a. Về vật chất:

- Nhà tạm, nhà dột nát: còn 69 nhà tạm, dột nát (trong đó 49 nhà thuộc hộ nghèo có mã số), chiếm 3,23%.
- Cơ sở công trình tránh, trú bão không có khả năng chịu được Bão to từ cấp 12 trở lên.
- Dân cư vẫn còn phân bố rải rác, không đồng đều, việc xây dựng không có thiết kế mẫu,
- Không có hệ thống thoát nước đảm bảo theo quy định, mặt khác xã Xuân Hải có diện tích trồng dừa trên vùng đất cát nhiều, khi mưa lớn nước không thoát gây ngập úng và bong, tróc gốc dừa làm đổ ngã những nhà dân sống dưới tán cây dừa (Thôn 1)

b. Nhận thức, thái độ, động cơ:

- Người dân còn chủ quan trong việc bảo vệ tính mạng và tài sản trong việc phòng, chống thiên tai.
- Thiếu hiểu biết về các kiến thức phòng, chống giảm nhẹ các rủi ro do thiên tai gây ra.

c. Tổ chức/xã hội:

- Kiến thức về quản lý rủi ro thiên tai của cán bộ chưa được nâng cao nên việc lập kế hoạch phòng, chống thiên tai thời gian trước đây chưa cụ thể.
- Dân cư, chợ chưa được quy hoạch; đường đi lại trong thôn còn hẹp
- Chưa có nhà tránh trú bão

2.2 Lĩnh vực sức khỏe, vệ sinh, nước sạch:

a. Về vật chất:

- Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế còn thấp (16,5%),
- Trạm y tế không có bác sĩ, có 06 cán bộ, công chức, gồm: 01 y sĩ đa khoa; 01 y sĩ đông y; 02 y tá sơ cấp, 01 nữ hộ sinh trung cấp, 01 nữ hộ sinh sơ cấp và 5/5

thôn có nhân viên y tế cộng đồng, cơ sở vật chất còn thiếu thôn chưa đáp ứng yêu cầu khám, chữa bệnh cho nhân dân.

- Đa số hộ dân sử dụng nước giếng để sinh hoạt, có một số vùng nguồn nước bị nhiễm phèn, đặc biệt là Thôn 1.
- Tổng số hộ toàn xã có đủ 03 công trình vệ sinh hợp chuẩn: 1.761/2.287hộ, chiếm tỷ lệ 77%;
- Không có hệ thống thoát nước đảm bảo nên thường bị ngập chậm thoát gây ra tình trạng môi trường bị ô nhiễm ảnh hưởng đến sức khỏe của người dân.
- Các hộ có cơ sở chăn nuôi gia súc xử lý phân chưa hợp vệ sinh

2.3 Lĩnh vực sản xuất, kinh doanh:

a. Về vật chất:

- Trình độ thấp, không có chuyên môn nghiệp vụ, tỷ lệ thấp nghiệp còn cao
- Bờ bao đầm nuôi trồng thủy sản còn thấp, dễ vỡ do gió lốc
- Số lượng tàu thuyền công suất nhỏ còn nhiều.

b. Nhận thức, thái độ, động cơ:

- Ý thức bảo vệ nguồn thủy sản và tài nguyên của người dân chưa được cao.
- Nhận thức và ý thức chấp hành pháp luật của một bộ phận nhân dân còn hạn chế.

c. Tổ chức/xã hội:

- Kinh tế nông nghiệp nông thôn theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá phát triển còn chậm và chăn nuôi vẫn chưa phát triển mạnh.
- Việc khôi phục nghề nuôi tôm sú theo hướng phát triển bền vững còn gặp nhiều khó khăn;
- Tình trạng khai thác trái phép trong đầm Cù Mông vẫn còn diễn ra, chưa có biện pháp khắc phục triệt để;
- Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho nhân dân vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu.
- Quản lý cấp phép xây dựng, kiểm tra, giám sát việc khai thác khoáng sản còn thiếu đồng bộ.
- Việc huy động các nguồn lực trong nhân dân xây dựng phát triển kết cấu hạ tầng chưa mạnh, nhất là việc huy động vốn xây dựng cơ bản để trả nợ cho những năm trước đây còn gặp nhiều khó khăn.
- Tình hình dịch bệnh trên một số cây trồng, vật nuôi thủy sản còn diễn ra làm ảnh hưởng đến đời sống nhân dân.
- Chính quyền và các đoàn thể còn lúng túng trong việc cụ thể hoá và tổ chức thực hiện một số chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật Nhà nước.
- Nguồn lực cho đầu tư phát triển của xã còn khó khăn, chưa đáp ứng nhu cầu.

- Công tác xây dựng Nông thôn mới: Một số tiêu chí cần đầu tư nhiều nguồn vốn xây dựng, nhưng hàng năm cấp trên phân bổ vốn về ít nên rất khó thực hiện.

5. Đánh giá năng lực phòng, chống và ứng phó của cộng đồng

a) An toàn cộng đồng:

- **Về vật chất:** Đại đa số người dân chủ động chặn chống nhà cửa, di chuyển phương tiện tài sản đến nơi an toàn, Chuẩn bị đầy đủ lương thực, thực phẩm, như gạo, mì tôm, nước uống, phương tiện như đèn pin, các công cụ chiếu sáng, Chủ động nắm bắt thông tin kịp thời, có tinh thần đoàn kết khắc phục hậu quả. Đã có khu quy hoạch dân cư (thôn 3) và các điểm tránh trú thiên tai an toàn (như trường Mầm non mẫu giáo, trường Tô Vĩnh Diện, trường tiểu học số 1, số 2, trụ sở UBND xã, khu văn hóa xã, Trạm Y tế, Bưu điện, ngân hàng, trường mầm non Tuổi Thơ, và các nhà dân kiên cố trong xã (70% nhà kiên cố).

- **Nhận thức, thái độ động cơ:** Đại đa số người dân có tinh thần chủ động chặn chống nhà cửa, theo dõi, nắm thông tin kịp thời tình hình diễn biến thiên tai. Chính quyền địa phương phối hợp với Bộ đội biên phòng Thông tin, hướng dẫn thuyền về nơi trú bão an toàn, thông tin về tình hình thiên tai 24/24h. trên loa phát thanh và loa cầm tay cho người dân.

- **Tổ chức xã hội:** Cán bộ trạm y tế trực 24/24h. Các đoàn thể như mặt trận, nông dân, thanh niên, phụ nữ, hội chữ thập đỏ... thường xuyên bám sát từng khu dân cư, kịp thời hỗ trợ và giúp đỡ nhân dân khi có thiên tai xảy ra (như: dọn dẹp vệ sinh, phun thuốc phòng ngừa dịch bệnh).

b) Sức khỏe, vệ sinh, nước sạch, môi trường:

- Có hệ thống nước sạch đảm bảo cho việc sinh hoạt (thôn 2,3,4,5). Chính quyền địa phương vận động tuyên truyền người dân khơi thông mương nước.

c) Sản xuất, kinh doanh:

- Nuôi trồng thủy, hải sản, trồng dừa là nguồn sinh kế chính của người dân với nhiều kinh nghiệm trong đánh bắt

- Các hộ nuôi tôm cá chủ động đắp bờ, kịp thời thu hoạch tôm, cá trước mùa mưa bão; Có 8 đại lý thu mua thủy hải sản.

6. Đánh giá mức độ nhận thức về rủi ro thiên tai của người dân

Người dân có kinh nghiệm trong việc cảnh giác thiên tai, thường xuyên nghe thông tin trên đài phát thanh và truyền hình; Tuy nhiên kiến thức và nhận thức phòng ngừa các thiệt hại về tài sản và bảo vệ môi trường trong thiên tai chưa cao.

Ý thức chủ quan, chưa có kỹ năng phòng ngừa giảm thiểu các thiệt hại, còn ỷ lại vào chính quyền và các đoàn thể trong công tác phòng, chống thiên tai

III. Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả

1. Tổ chức phòng ngừa

a) *Tổ chức tuyên truyền nâng cao nhận thức và năng lực của cộng đồng về phòng, chống thiên tai.*

- Nâng cao ý thức cho người dân trong việc khơi thông các rãnh, mương thoát nước, người dân nuôi trồng thủy hải sản xử lý rác thải, nước xả thải, phòng ngừa tình trạng ô nhiễm môi trường khi có mưa lớn và thiên tai.
- Tổ chức tuyên truyền, tập huấn kiến thức, cung cấp tài liệu hướng dẫn cho người dân về biến đổi khí hậu và phòng tránh thiên tai;
- Thường xuyên quán triệt cho cán bộ, chiến sĩ LLVT nâng cao ý thức, tinh thần trách nhiệm đối với công tác phòng chống, giảm nhẹ thiên tai và TKCN; phối hợp tốt với lực lượng chức năng giữ vững tốt tình hình ANCT- TTATXH trên địa bàn, đặc biệt là những thôn có cư dân sinh sống trong vùng rủi ro thiên tai.

b) *Tăng cường hệ thống thông tin, truyền thông và giáo dục về phòng, chống thiên tai.*

- Tăng cường công tác tuyên truyền về biến đổi khí hậu, thiên tai thảm họa và các phương án ứng phó; nâng cao nhận thức cho người dân để người dân chủ động hơn trong công tác phòng ngừa ứng phó nhằm giảm thiểu rủi ro.
- Tăng cường công tác tuyên truyền về tác hại của đối với môi trường và sức khỏe của con người để người dân ý thức trong việc xử lý rác tránh tình trạng xả rác, xác động vật chết và nước bị ô nhiễm từ các đầm nuôi thủy sản ra môi trường.
- Thành lập đội ứng phó cộng đồng từ xã đến thôn, thường xuyên tổ chức tập huấn, diễn tập về cứu hộ, cứu nạn và công tác phòng ngừa ứng phó thiên tai thảm họa để nâng cao năng lực cho cộng đồng.
- Trang bị các loại phương tiện, trang thiết bị phòng ngừa, ứng phó thiên tai thảm họa, đồng thời trang bị các phương tiện cảnh báo sớm để thông tin cảnh báo, hướng dẫn kịp thời cho nhân dân về phòng, chống thiên tai.

c) *Quy hoạch vùng dân cư và tổ chức sản xuất thích ứng với thiên tai; rà soát, xác định khu vực nguy hiểm, có kế hoạch di dời dân cư ra khỏi vùng có rủi ro thiên tai cao.*

- ❖ **Vùng trọng điểm xảy ra thiên tai:** Thôn 2, 3 và một phần của thôn 1, 4,5
- ❖ **Mục tiêu cần ứng cứu và sơ tán khi thiên tai:** Thôn 2, 3 và một phần của thôn 1, 4, 5.

d) *Chuẩn bị về nhân lực, vật tư, phương tiện, trang thiết bị và nhu yếu phẩm phục vụ ứng phó thiên tai.*

❖ **Tổ chức lực lượng ứng phó nhanh: 61 người**

- Lực lượng dân quân tại chỗ của 5 thôn: 15 đ/c (03 đ/c/ thôn);
- Lực lượng cơ động: Trung đội DQCD xã 28 đ/c;
- Lực lượng tại xã: Tiểu đội dân quân thường trực+ các binh chủng: 21 đ/c

❖ **Chỉ huy và lực lượng ứng phó thiên tai và phục hồi sau thiên tai:**

➤ **Chi huy chung:** Ông Huỳnh Tấn Anh - Chủ tịch UBND xã – Trưởng Ban phòng, chống thiên tai

➤ **Vật chất, phương tiện đảm bảo²** cho công tác chỉ huy phòng chống, giảm nhẹ thiên tai và tìm kiếm cứu nạn:

- Áo cứu hộ = 28 cái
- Phao cứu hộ (phao tròn) = 50 cái
- Băng ca cứu thương = 02 cái
- Áo mưa làm nhiệm vụ = 50 cái
- Loa phóng thanh = 24 cái
- Dây cuộn (loại 50m) = 02 cuộn
- Dây cuộn loại 100 m = 0 cuộn (chưa có)
- Nhà bạt = 0 cái (chưa có)
- Ghe cứu hộ = 0 chiếc (chưa có)
- Ống nhôm = 0 cái (chưa có)
- Đèn pin lớn, nhỏ = 20 cái (chưa có)

➤ **Công tác sơ tán và chỗ ở tạm cho người dân:**

Chỉ huy: Trần Văn Hiếu – CHT/Ban CHQS xã

➤ **Công tác cứu hộ và sơ cứu:**

Chỉ huy: Ông Nguyễn Thành Nhân - P.CT UBND

➤ **Công tác cứu trợ,** cung cấp lương thực, thực phẩm, nước uống:

Chỉ huy Trần Thị Lại – CT Hội phụ nữ

➤ **Công tác an ninh trật tự:**

Chỉ huy Ông Đặng Ngọc Hải – Trưởng CA xã

➤ **Công tác đảm bảo thông tin và liên lạc:**

Chỉ huy Nguyễn Văn Phi - Công chức Văn phòng thống kê

➤ **Công tác vệ sinh, sức khỏe:**

Chỉ huy Nguyễn Văn Giải – Trưởng Trạm y tế

➤ **Công tác hậu cần:**

Chỉ huy

❖ **Tổ chức lực lượng, phương tiện ứng cứu những địa bàn trọng điểm:** khu vực 4 bãi của thôn 2 và từ mũi Bàng than đến trường cá thôn 2

➤ **Tổ chức lực lượng:**

² Phương tiện, vật chất trên đề nghị được mua sắm trang bị cho lực lượng vũ trang làm nhiệm vụ.

- Lực lượng dân quân cơ động xã : 28 đ/c (01 trung đội).
- Lực lượng dân quân chiến đấu tại chỗ, binh chủng : 17 đ/c
- **Phương tiện:** phương tiện được huy động sử dụng hiện có tại địa phương và trên chi viện (nếu cần)
- **Vận chuyển:** Sử dụng phương tiện 4 chiếc xe 16 chỗ và 03 chiếc 7 chỗ, xe tải chở hàng hóa 04 chiếc tại khu vực thôn 2 (Loại 5 tấn).
- **Thông tin liên lạc:** 24 cụm loa truyền thanh tại khu vực 5 thôn và tại UBND xã; trong đó sử dụng 5 loa cầm tay. Sử dụng hệ thống mạng Internet, điện thoại bàn và điện thoại di động thông tin đến các thành viên BCH phòng chống thiên tai xã và các thôn.³
- **Điểm tập trung chuyển sơ tán:** tại khu vực cây xăng dầu Khổng Lang và trước nhà ông Bùi Thanh Vân, Trường tiểu học số 1.
- **Trạm y tế** (150 m²): có 05 phòng và 01 phòng dược;
- **Máy phát điện:** UBND Xã

❖ **Đảm bảo lương thực, thực phẩm, các mặt hàng phi lương thực:**

- **Giai đoạn cảnh báo:** nhân dân tự dự trữ lương thực và thực phẩm, nước sạch, thuốc trị bệnh, dụng cụ chắn màn, pin, đài sử dụng tại gia đình và sẵn sàng mang theo khi sơ tán đến điểm trú bão để sử dụng trong thời gian khẩn cấp (ít nhất 3 ngày).
- **Giai đoạn sơ tán tại điểm tập trung** hoặc thiên tai xảy ra:
 - Mặt trận tổ quốc, Hội Chữ thập đỏ, Hội Liên hiệp phụ nữ, Đoàn Thanh niên CS HCM, Hội Cựu chiến binh, Hội Nông dân đảm bảo vận động cung cấp lương thực và thực phẩm (5 tấn gạo) 67 thùng mì tôm, cho 190 người tại điểm tập trung và người dân khác khoảng 100 người trong giai đoạn khẩn cấp.
 - Chính quyền xã huy động tạm ứng gạo, lương thực tại các cửa hàng, để cung cấp khi cần thiết và sẽ thanh toán sau.
 - Các điểm có nhân dân trú bão và sơ tán đảm bảo nước uống 4lít/người/ngày (nước uống đóng chai, bình) để đảm bảo sức khỏe cho nhân dân.
 - Chính quyền huy động các dụng cụ như thuốc trị bệnh, chắn, màn và các mặt hàng phi lương thực khác để cung cấp cho người dân trong thời gian tạm lánh nạn tại các điểm tránh, trú bão.

e) **Thực hiện tổng hợp các giải pháp: công trình và phi công trình (Chi tiết xem Mục II, Phụ lục 1).**

i. **Các giải pháp phi công trình:**

❖ **An toàn cộng đồng:**

³ Phụ lục danh sách số điện thoại di động của thành viên BCH PCTT

- Tập huấn và trang bị, xây dựng phương án phối hợp cho đội ứng phó khẩn cấp của xã.

❖ **Quy hoạch mới các điểm dân cư tập trung** trên nền tảng thôn dân cư hiện hữu dọc theo các đường giao thông... được cải tạo nâng cấp cơ sở hạ tầng nông thôn, điểm dân cư hiện hữu: hiện chưa có cụm tuyến dân cư người dân còn xây dựng nhà rải rác, nhưng chủ yếu bám theo các tuyến giao thông bộ.

❖ **Sức khỏe, vệ sinh, nước sạch và môi trường:**

- Tăng cường tuyên truyền nâng cao ý thức của người dân về xử lý rác thải, rác trong sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng và đánh bắt, bảo vệ nguồn thủy, hải sản.

❖ **Sản xuất, kinh doanh:**

- Tăng cường đào tạo tiếp nhận sự hỗ trợ của các Công ty, xí nghiệp trên địa bàn để thu hút nguồn lao động tại chỗ; Tiếp tục thực hiện chương trình đào tạo nghề, dạy nghề cho lao động nông thôn.
- Hình thành các Hội ngành nghề tạo ra sự hợp tác, cạnh tranh lành mạnh, trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.
- Cải cách thủ tục hành chính, tạo điều kiện cho các tổ chức, doanh nghiệp có nhu cầu đầu tư sản xuất, kinh doanh trên địa bàn xã để thu hút nguồn lao động và đóng góp cho phát triển địa phương.
- Khuyến khích phát triển sản xuất gắn với bảo vệ môi trường.
- Khuyến cáo người dân nuôi trồng thủy sản theo mùa, đánh bắt theo quy định nhằm bảo vệ tốt nguồn thủy hải sản.
- Tổ chức điểm thu mua, quản lý thương lái, phân phối và thường xuyên kiểm tra cơ sở buôn bán, thường xuyên kiểm tra đại lý cung cấp, kiểm tra cơ sở bán thuốc thú y, thường xuyên kiểm soát cơ sở cung cấp giống.
- Phun thuốc khử trùng tiêu độc, phun nước, quạt tạo gió, sưởi ấm cho gia cầm gia súc, phát triển mô hình chăn nuôi theo hình thức hợp tác.

ii. Các giải pháp công trình:

- Hiện tại đang được đầu tư nạo vét kênh rãnh thoát nước tại thôn 1 và mở rộng nhằm góp phần giải quyết tình trạng ngập úng.
- Cung cấp nước sạch đảm bảo cho nhân dân sinh hoạt.
- Giải pháp các công trình phục vụ cho sản xuất nông nghiệp thông qua việc tăng cường đầu tư kết cấu hạ tầng nông thôn: Tiếp nhận nguồn vốn phân cấp từ Trung ương, Tỉnh trong việc xây dựng, mở rộng các trục giao thông chính, hệ thống mạng lưới điện, cấp thoát nước. tăng cường đầu tư từ ngân sách địa phương kết hợp với việc huy động đóng góp của các thành phần kinh tế để xây dựng đường giao thông, chợ.

f) **Lập kế hoạch nâng cấp trường học, trạm y tế, trụ sở công, công trình công cộng khác kết hợp sử dụng làm địa điểm sơ tán dân khi có thiên tai.**

- i. UBND xã và Ban Giám hiệu các trường có kế hoạch chi tiết thiết lập điểm sơ tán tạm thời cho người dân đến lánh nạn trong thời gian khi có thiên tai tại Trường Trường Tiểu Học số 1 và 2, trường mẫu giáo, Trường THCS Tô Vinh Diện và Nhà văn hóa trung tâm xã đảm bảo các điều kiện về chỗ ở tạm thời, điều kiện sinh hoạt vệ sinh, điểm cấp phát thực phẩm, cung cấp nước sạch, chăm sóc y tế và đảm bảo an ninh an toàn trong trường hợp cảnh báo và triển khai điểm sơ tán theo phương án trên; đảm bảo đáp ứng tốt phương châm 4 tại chỗ.
- ii. Thúc đẩy các giải pháp cấp nước từ nguồn nước ngầm để cung cấp đầy đủ nước cho người dân trong tình huống thiên tai:
 - Khai thác từ giếng khoan tập trung trên địa bàn.
 - Nâng cấp cải tạo 20 giếng cấp nước hiện hữu đảm bảo cung cấp nước cho nhân dân trong xã đáp ứng 100% số dân trên địa bàn sử dụng nước hợp vệ sinh.
 - Nâng cấp các giàn lọc cung cấp nước qua xử lý làm sạch ở các điểm giếng cũ đang vận hành.
 - Đối với khu vực dân cư thưa thưa chưa sử dụng được nguồn nước cung cấp, cần hỗ trợ xây dựng các bể chứa nước mưa lớn (5 – 10 m³).

2. Xây dựng phương án ứng phó

2.1. Phương án ứng phó thiên tai bao gồm một số nội dung chính sau đây:

a) Bảo vệ công trình phòng, chống thiên tai và công trình trọng điểm (ví dụ: Đê, kè, cống, bờ bao, hồ, đập, hệ thống trạm bơm, kênh, mương tưới tiêu...);

Đề nghị địa phương bổ sung phương án bảo vệ các công trình trọng điểm

b) Phương án và địa điểm sơ tán, bảo vệ người, tài sản, bảo vệ sản xuất;

- o **Giai đoạn 1:** Chuyển các hộ dân đến khu vực tránh bão của xã như: Phân Trường Tiểu học ở Bãi Bằng và nhà ông Thủy, Trường mẫu giáo thôn 3, thôn 4.
 - Số lượng di dời : Tổng số 40 hộ/190 người
 - Thôn 2 từ mũi Bằng than đến Trường cá: 26 hộ/ 129 người.
 - Khu vực 4 bãi Thôn 2: 7 hộ/ 31 người.
 - **Địa điểm sơ tán:**
 - Phân Trường Tiểu học số 1 Bãi Bằng: 15 người/1 phòng.
 - Nhà dân kiên cố trên đường QL1D: 16 Người/ 3 nhà
 - Trường Mẫu giáo: 20 người/ 1 phòng
 - Trường Tiểu học số 1- Rạch Đào: 109 người/ 8 phòng
 - Điểm dự phòng: một số nhà kiên cố khực thôn 2, 3
- o **Giai đoạn 2:** Di dời, sơ tán ra khỏi địa bàn xã theo lệnh của thị xã.
 - Điểm tập trung để sơ tán 1: Cây xăng dầu Không Lang từ mũi Bằng than đến nhà ông Lạ

- Điểm tập trung đề sơ tán 2: Trước nhà ông Bùi Thanh Vân, từ nhà ông lạ đến nhà ông Mạnh Gọt
- Điểm tập trung đề sơ tán 3: Trường tiểu học số 1: từ nhà ông Mạnh Gọt đến trường cá và một phần thôn 3
- **Bảo vệ tài sản cho người dân:** Lực lượng công an, quân sự phối hợp tuần tra bảo vệ tại các điểm sơ tán và những hộ gia đình phải sơ tán để bảo vệ tài sản và sản xuất cho người dân. Trường hợp ngoài khả năng ứng cứu thì đề nghị cấp huyện tăng cường hỗ trợ.
- **Cứu hộ và sơ cấp cứu:** Lực lượng quân sự kết hợp với Trạm y tế xã tổ chức Đội cứu hộ và sơ cứu có 24 người được tập huấn, sẵn sàng huy động đến nơi để cứu hộ và tổ chức sơ cấp cứu cho người bị nạn, vận chuyển đến cơ sở y tế.

c) Đảm bảo an ninh trật tự, giao thông, thông tin liên lạc;

Khi có cảnh báo thiên tai, văn phòng UBND sẽ tiếp nhận và báo cáo cho Trưởng ban chỉ huy là chủ tịch UBND xã sẽ tiến hành triển khai kế hoạch với các phương án cụ thể; Công an xã phối hợp với lực lượng quân sự đảm bảo công tác an ninh và trật tự giao thông, cần thiết sẽ yêu cầu chi viện của trên; Đài truyền thanh và văn phòng UBND thường xuyên cập nhật thông tin cảnh báo và thông báo cho người dân theo chỉ đạo của trưởng ban nhằm đảm bảo tránh các hiện tượng đầu cơ, thừa cơ hội gây rối trật tự.

Trường hợp hệ thống thông tin qua loa truyền thanh bị hư hỏng hoặc mất điện do thiên tai, sẽ sử dụng hệ thống điện thoại liên hệ trực tiếp với các ấp và các thành viên của Ban Chỉ huy để có biện pháp ứng phó kịp thời.

d) Phối hợp chỉ đạo, chỉ huy phòng tránh, ứng phó thiên tai và tìm kiếm cứu nạn;

Khi có thiên tai xảy ra, Trưởng ban Chỉ huy phòng chống thiên tai sẽ triển khai ngay đội ứng phó khẩn cấp đến các địa bàn có thiên tai phối hợp với Trưởng thôn và các tổ chức đoàn thể xã hội áp thực hiện công tác ứng phó khẩn cấp để cứu hộ và sơ cấp cứu kịp thời để tránh hoang mang cho người dân, đồng thời giảm thấp nhất tổn thương và hư hao tài sản.

Khi có tình huống khẩn cấp tại địa phương, người dân sẽ điện báo đến chính quyền địa phương hoặc trưởng thôn, Trưởng ban Chỉ huy sẽ điều động lực lượng có trách nhiệm được phân công đến ngay địa bàn để ứng cứu và bảo đảm an ninh, trật tự; trường hợp vượt quá khả năng sẽ báo cáo xin hỗ trợ của cấp trên.

đ) Xác định nguồn nhân lực ứng phó thiên tai;

➤ **Công tác sơ tán và chỗ ở tạm cho người dân:**

Chỉ huy: Trần Văn Hiếu – CHT/Ban CHQS xã

Lực lượng tham gia	: 80
○ Trưởng các thôn	: 05
○ Hiệu trưởng 3 trường	: 03
○ Dân quân tại chỗ	: 15
○ Đoàn Thanh niên	: 21
○ Hội LHPN	: 11

- Công an + Dân phòng : 25
- **Công tác cứu hộ và sơ cứu:**
Chỉ huy: Ông Nguyễn Thành Nhân - P.CT UBND
Lực lượng tham gia: : 54
 - Phó Trưởng các thôn : 05
 - Lực lượng cơ động : 28
 - Hội Chữ thập đỏ : 05
 - Dân Phòng : 10
 - Y tế : 06
- **Công tác cứu trợ, cung cấp lương thực, thực phẩm, nước uống:**
Chỉ huy Trần Thị Lại – CT Hội phụ nữ
Lực lượng tham gia: :52
 - Hội Phụ Nữ : 11
 - Đoàn thanh niên : 21
 - Cựu chiến binh : 07
 - Hội Nông dân : 13
- **Công tác an ninh trật tự:**
Chỉ huy Ông Đặng Ngọc Hải – Trưởng CA xã
Lực lượng tham gia : 58
 - Lực lượng CA : 15
 - Lực lượng thôn đội : 05
 - Lực lượng dân phòng : 10
 - Lực lượng dân quân : 28
- **Công tác đảm bảo thông tin và liên lạc:**
Chỉ huy Nguyễn Văn Phi - CB Văn phòng thống kê
Lực lượng tham gia : 08
 - CB Đài Truyền thanh : 01
 - Dân Quân : 05
 - Dân Phòng : 02
- **Công tác vệ sinh, sức khỏe:**
Chỉ huy Nguyễn Văn Giải – Trưởng Trạm y tế
Lực lượng tham gia : 21
 - Nhân viên Y tế : 06
 - Dân quân : 15

➤ **Công tác hậu cần:**

Chỉ huy: Nguyễn Xuân Bình- P CT-UBND

Lực lượng tham gia: 18 người

- Hội LHPN: 05 người
- Đoàn thanh niên: 05 người
- Hội Nông dân: 05 người
- Tài chính – Ktoán: 03 người

e) Chuẩn bị vật tư, phương tiện, trang thiết bị, nhu yếu phẩm cho hoạt động phòng, chống thiên tai (theo phương châm bốn tại chỗ: chỉ huy tại chỗ; lực lượng tại chỗ; phương tiện, vật tư tại chỗ; hậu cần tại chỗ);

Tổ chức lực lượng ứng phó nhanh:

- Lực lượng dân quân chiến đấu tại chỗ của 5 thôn tổng cộng 15 đ/c (03 đ/c/Thôn);
- Lực lượng cơ động: Trung đội DQCD xã : 28 người
- Lực lượng tại xã:Tiêu đội dân quân thường trực + binh chủng : 21 người

Chỉ huy và lực lượng các hoạt ứng phó thiên tai và phục hồi sau thiên tai:

- **Chỉ huy chung:** Ông Huỳnh Tấn Anh - Chủ tịch UBND xã –Trưởng Ban phòng chống lụt bão
- **Công tác sơ tán và chỗ ở tạm cho người dân:**

Chỉ huy: Trần Văn Hiếu – CHT/Ban CHQS xã

Lực lượng tham gia : 73 người

- Trưởng các ấp : 05 người
- Hiệu trưởng 3 trường : 03 người
- Dân quân tại chỗ : 15 người
- Đoàn Thanh niên : 21 người
- Hội LHPN : 11 người
- Công an + Dân phòng : 18 người

- **Công tác cứu hộ và sơ cứu:**

Chỉ huy: Ông Nguyễn Thành Nhân- P.CT UBND

Lực lượng tham gia: : 54 người

- Phó Trưởng các thôn : 05 người
- Lực lượng cơ động : 28 người
- Hội Chữ thập đỏ : 05 người

- Dân Phòng : 10 người
- Y tế : 06 người
- **Công tác cứu trợ**, cung cấp lương thực, thực phẩm, nước uống:

Chỉ huy Trần Thị Lại – CT Hội phụ nữ

- Lực lượng tham gia : 52 người
- Hội Phụ Nữ : 11 người
- Đoàn thanh niên : 21 người
- Cựu chiến binh : 07 người
- Hội Nông dân : 13 người

- **Công tác vệ sinh, sức khỏe:**

Chỉ huy Nguyễn Văn Giải – Trưởng Trạm y tế

- Lực lượng tham gia : 20 người
- Nhân viên Y tế : 06 người
- Dân quân : 10 người
- Công an : 04 người

3. Tổ chức lực lượng, phương tiện ứng cứu những địa bàn trọng điểm: khu vực 4 bãi của thôn và đoạn từ Mũi Bàng Than đến Trường cá và một phần của thôn 3, 4.

*** Tổ chức lực lượng:**

- Lực lượng dân quân cơ động xã : 28 người (01 trung đội).
- Lực lượng dân quân chiến đấu tại chỗ, binh chủng : 21 người
- Lực lượng dân quân tại chỗ của 05 thôn : 15 người

*** Phương tiện:** sử dụng phương tiện hiện có tại địa phương và trên chi viện

- *Vận chuyển:* Sử dụng phương tiện 04 xe khách tại khu vực thôn 2, 3 (loại 16 chỗ ngồi), 03 xe loại 7 chỗ tại thôn 1, 4, 5. Xe tải chở hàng hóa 09 chiếc tại khu vực thôn 1, 2, 3, 4,5 (Loại 5 tấn).
- *Thông tin liên lạc:* 24 cụm loa truyền thanh tại khu vực 5 thôn và 05 loa cầm tay. Sử dụng hệ thống mạng internet và điện thoại bàn và điện thoại di động thông tin đến các thành viên BCH phòng chống thiên tai xã và các ấp.⁴
- *Điểm tập trung chuyển sơ tán:* khu vực 4 bôn bãi tại nhà ông Thủy và phân trường bãi bàng khu vực từ Mũi bang Than đến cây xăng Khổng lang, Khu vực trường cá thôn 2 và một phần thôn 3 đến trường tiểu học số 1, khu vực xóm giữa đến nhà ông Bùi Thanh Vân.
- *Trạm y tế (150 m²):* có 05 phòng và 01 phòng dược ; và Trung tâm văn hóa thể thao và học tập cộng đồng xã.

⁴ Phụ lục danh sách số điện thoại di động của thành viên BCH PCTT

- Máy phát điện: của UBND xã.

4. Đảm bảo lương thực, thực phẩm,

- *Giai đoạn cảnh báo:* nhân dân tự dự trữ lương thực và thực phẩm, nước sạch sử dụng tại gia đình và sẵn sàng mang theo khi sơ tán đến điểm trú bão để sử dụng trong thời gian khẩn cấp.
- *Giai đoạn sơ tán tại điểm tập trung* hoặc thiên tai xảy ra:
 - o Mặt trận tổ quốc, Hội Chữ thập đỏ, Hội Liên hiệp phụ nữ, Đoàn Thanh niên CS HCM, Hội Cựu chiến binh, Hội Nông dân đảm bảo vận động cung cấp lương thực và thực phẩm (5 tấn gạo) cho 516 người tại điểm tập trung và người dân khác khoảng 500 người trong giai đoạn khẩn cấp.
 - o Chính quyền xã huy động tạm ứng gạo, lương thực tại các cửa hàng, nhà máy để cung cấp khi cần thiết và sẽ thanh toán sau.

Các điểm có nhân dân trú bão và sơ tán đảm bảo nước uống 4lít/người/ ngày (nước uống đóng chai, bình) để đảm bảo sức khỏe cho nhân dân.

f) Tổ chức tập huấn, huấn luyện, diễn tập kỹ năng phòng, chống thiên tai;

- Các tổ chức đoàn thể như Đoàn Thanh niên, Hội Liên hiệp phụ nữ, Hội Cựu chiến binh, Hội Nông dân, Hội Chữ thập đỏ, Người cao tuổi; Các chi bộ áp sử dụng tài liệu tập huấn về Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng để tổ chức sinh hoạt cho cán bộ, đoàn viên, hội viên nhằm nâng cao ý thức về quản lý rủi ro thiên tai để sẵn sàng tham gia đóng góp vào các chương trình, giải pháp giảm nhẹ rủi ro theo kế hoạch này.
- Chỉ huy quân sự xã phối hợp với lực lượng Đoàn Thanh niên, Hội Chữ thập đỏ thường xuyên tổ chức ôn tập các kỹ thuật đã được học về ứng phó khẩn cấp cứu hộ và sơ cấp cứu.
- Ban Chỉ huy phòng chống thiên tai thành lập Nhóm hỗ trợ kỹ thuật và nhóm cộng đồng theo quy định đồng thời tổ chức tập huấn về kiến thức về quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng và kỹ năng đánh giá rủi ro để cập nhật Kế hoạch phòng chống thiên tai hàng năm.

h) Tổ chức thường trực, trực ban cập nhật thông tin diễn biến thiên tai; chuẩn bị địa điểm sơ tán; tổ chức tập huấn, huấn luyện, diễn tập kỹ năng phòng, chống thiên tai.

- BCH phân công thành viên trực chỉ huy và sẵn sàng lực lượng ứng phó khi cần thiết.
- Văn phòng UBND trực thu thập và cập nhật thông tin thiên tai báo cáo cho Ban Chỉ huy để chỉ đạo cụ thể
- Đài Tuyên thanh thường xuyên thông tin về tình hình thiên tai và phương án sơ tán cho người dân.

2.2. Phương án ứng phó cho một số loại thiên tai cụ thể:

Xã có phương án được phê duyệt

3. Tổ chức khắc phục hậu quả

3.1. Triển khai công tác tìm kiếm cứu nạn, cứu trợ, hỗ trợ lương thực, thực phẩm, thuốc chữa bệnh, nhu yếu phẩm thiết yếu khác và hỗ trợ tâm lý để ổn định đời sống của người dân:

a. Cấp cứu kịp thời người gặp nguy hiểm; tìm kiếm người, phương tiện mất tích:

Đội ứng phó khẩn cấp của xã đã được tập huấn sẵn sàng có mặt tại nơi xảy ra thiên tai phối hợp với người dân và chính quyền kịp thời ứng cứu chậm nhất là 30 phút để cứu hộ và sơ cấp cứu, sơ tán người dân đến nơi an toàn.

Tại hiện trường Đội trưởng đội cứu hộ phối hợp với lực lượng công an, quân sự, y tế xã và lực lượng chuyên môn được tăng cường dưới sự chỉ huy của Trưởng ban Chỉ huy phòng chống thiên tai xã.

Các phương tiện cứu hộ, liên lạc và sơ cấp cứu y tế luôn sẵn sàng ứng cứu.

Việc cứu hộ, tìm kiếm người, phương tiện với phương châm cứu người là quan trọng với phương án vừa ứng phó vừa gọi hỗ trợ.

b. Tiếp tục sơ tán người ra khỏi nơi nguy hiểm, ưu tiên đối tượng dễ bị tổn thương:

Trong trường hợp những nạn nhân chưa kịp sơ tán hoặc thiên tai xảy ra trên diện rộng ngoài các địa bàn trọng điểm; Lực lượng ứng trực của xã sẽ phối hợp với các lực lượng khác, huy động mọi phương tiện có sẵn trong xã tiến hành sơ tán, bảo vệ tính mạng cho người dân.

Những người trong nhóm dễ bị tổn thương như người già, trẻ em, người khuyết tật, người có bệnh mãn tính, phụ nữ có con nhỏ và đang cho con bú sẽ được ưu tiên sơ tán đến các điểm tập trung ngay khi có lệnh sơ tán. Việc sơ tán sẽ do bộ phận phụ trách công tác sơ tán đảm nhiệm và chỉ huy dưới sự chỉ đạo của Trưởng Ban chỉ huy PCTT xã.

Đối với các trường hợp tự sơ tán, người dân phải báo cho chính quyền để theo dõi và hỗ trợ, cứu trợ trong những trường hợp cần thiết.

c. Lập các trạm cấp cứu tạm thời hoặc trung dụng có thời hạn trụ sở cơ quan, trường học, cơ sở y tế tại khu vực có thiên tai để tiếp nhận cấp cứu người bị nạn:

Trạm y tế xã sẵn sàng với cơ sở thuốc và các phương tiện cấp cứu và chuyển viện có nhân viên Y tế luôn trực để sẵn sàng tiếp nhận các nạn nhân.

Tại mỗi điểm sơ tán tập trung (các trường học, Trung tâm văn hóa xã) có 1 nhân viên y tế phối hợp với những người tình nguyện của các tổ chức đoàn thể, xã hội được tập huấn sơ cứu tổ chức điểm sơ cấp cứu có trang bị đầy đủ các phương tiện sơ cấp cứu và vận chuyển nạn nhân.

d. Xác định đối tượng cần được cứu trợ bao gồm cá nhân bị thương, hộ gia đình có người bị chết; hộ gia đình, cá nhân bị mất nhà ở, không có lương thực, nước uống và nhu yếu phẩm khác có nguy cơ ảnh hưởng tới tính mạng và sức khỏe, đặc biệt quan tâm tới đối tượng dễ bị tổn thương;

Trưởng thôn cùng với các tổ chức đoàn thể, xã hội khảo sát lập danh sách các hộ

và đối tượng, địa chỉ những người trong nhóm dễ bị tổn thương báo cáo cho Ban Chỉ huy phòng chống thiên tai đồng thời có kế hoạch sơ tán, hỗ trợ sơ tán và cứu trợ khẩn cấp khi cần.

Trong khi và sau khi thiên tai xảy ra chậm nhất 1 giờ, Trưởng các ấp bằng nhiều cách phải báo cáo nhanh tình hình thiệt hại trên địa bàn mình phụ trách, các thông tin bao gồm: khu vực ảnh hưởng, vùng thiệt hại; số người chết, bị thương; số nhà cửa, công trình bị hư, sập; số người cần được sơ tán khẩn cấp và các nhu cầu cần trợ giúp cho Trưởng ban Chỉ huy phòng chống thiên tai của xã.

e. Huy động người, vật tư, trang thiết bị, thuốc chữa bệnh để tham gia cứu chữa người bị nạn;

Căn cứ vào kế hoạch này, các thành viên trong Ban Chỉ huy phòng chống thiên tai xã có trách nhiệm lập danh sách lực lượng đoàn viên, hội viên của mình đồng thời quán triệt tinh thần trách nhiệm đối với từng người sẵn sàng ứng phó khi có lệnh.

Các lực lượng công an, quân sự; Đội ứng phó xã, các tổ chức đoàn thể xã thường xuyên kiểm tra lại các phương tiện, trang thiết bị trong tư thế sẵn sàng; rà soát và đề xuất việc trang bị áo cào với Trưởng ban Phòng chống thiên tai đề xuất UBND có kế hoạch trang bị và bảo quản sẵn sàng ứng phó trong mọi tình huống.

Mặt trận tổ quốc, Hội Chữ thập đỏ phối hợp với các tổ chức đoàn thể, các tổ chức xã hội, các tổ chức tôn giáo, doanh nghiệp vận động và công khai số lượng hàng hóa, lương thực, thực phẩm; thuốc trị bệnh, phương tiện cấp cứu bảo quản tốt, báo cáo với Ban Chỉ huy để có kế hoạch phân phối hợp lý cho nạn nhân khi có thiên tai xảy ra.

Khi có thiên tai xảy ra, Mặt trận tổ quốc xã và Hội Chữ thập đỏ xã có trách nhiệm tập hợp, ghi nhận sự đóng góp cứu trợ của các tổ chức, cá nhân hảo tâm trong và ngoài địa phương, đồng thời chịu sự điều phối chịu trách nhiệm của Thành viên được phân công phụ trách công tác cứu trợ, phân phối cung cấp lương thực, thực phẩm đúng theo các quy định của pháp luật.

f. Dựng các lán trại tạm thời cho người dân bị mất nhà ở;

Ngoài các điểm sơ tán tập trung, lực lượng ứng phó nhanh của xã sẽ tập hợp và huy động các phương tiện, vật tư cây tre, dừa, tấm nhựa,... được vận động trong dân và từ nguồn cung cấp của xã triển khai việc dựng các lán, trại chuẩn bị chỗ ở tạm thời tại các bãi đất trống trong khuôn viên trường học, sân UBND, trụ sở thôn khi có lệnh để chuẩn bị tiếp đón các nạn nhân sơ tán đảm bảo an toàn trong thiên tai.

Trưởng các thôn vận động người dân cùng tham gia đóng góp cây, tre, tấm nhựa và công sức cùng với lực lượng ứng phó nhanh của xã dựng các lán trại tổ chức chỗ ở tạm cho người dân lánh nạn.

g. Cấp phát lương thực, thực phẩm, thuốc chữa bệnh, nước sạch và nhu yếu phẩm thiết yếu.

Việc cấp phát lương thực, thực phẩm, nước sạch được tổ chức tập trung; Mọi sự đóng góp, huy động được điều phối cấp phát từ bộ phận phụ trách được phân công ở trên, đảm bảo tính công khai, minh bạch, công bằng nhưng không cào bằng cho các nạn nhân thiên tai. Cần chú ý đối với các nạn nhân là nhóm người dễ bị tổn thương, những người tự sơ tán không đến các điểm tập trung.

Hàng hóa, lương thực, thuốc trị bệnh được cấp phát cho dân phải còn thời hạn sử

dụng và đảm bảo yêu cầu về an toàn vệ sinh

Mặt trận tổ quốc xã phối hợp với Hội Chữ thập đỏ xã là đơn vị thường trực tiếp nhận và lập kế hoạch phân phối cho nạn nhân thiên tai.

3.2. Thống kê, đánh giá thiệt hại, nhu cầu cần cứu trợ:

a. Thống kê, đánh giá thiệt hại do thiên tai gây ra, nhu cầu cứu trợ, hỗ trợ và đề xuất phương án khắc phục hậu quả;

Khi thiên tai xảy ra tại địa phương, Trưởng thôn phối hợp với các tổ chức đoàn thể xã hội thôn và lực lượng dân quân tại chỗ giúp người dân khắc phục hậu quả và xác định các nhu cầu cần cứu trợ khẩn cấp, báo cáo kịp thời cho Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai.

Sau khi thiên tai qua, Ban Chỉ huy phòng chống thiên tai xã sẽ cử thành viên có mặt tại hiện trường để chỉ huy công tác khắc phục hậu quả và chỉ đạo cho các ban, ngành, đoàn thể tiến hành việc đánh giá thiệt hại và cứu trợ khẩn cấp bằng những hàng hóa và phương tiện dự trữ sẵn.

12 giờ khi thiên tai xảy ra; các ban, ngành, phối hợp với trưởng các thôn khảo sát tình hình thiệt hại báo cáo nhanh cho Ban Chỉ huy.

Báo cáo tình hình thiệt hại cùng với báo cáo nhu cầu hỗ trợ khẩn cấp, các mặt hàng cần cứu trợ, phương án khắc phục hậu quả cho Ban Chỉ huy.

b. Kiến nghị hỗ trợ lương thực, thực phẩm, thuốc chữa bệnh và nhu yếu phẩm thiết yếu khác để ổn định đời sống của người dân, vệ sinh môi trường, phòng chống dịch bệnh ở khu vực bị tác động của thiên tai;

Các nhu cầu hỗ trợ lương thực, thực phẩm, thuốc chữa bệnh và nhu yếu phẩm đề xuất của các ấp phải cụ thể bao gồm: Số người cần trợ giúp, nam, nữ; loại hàng hóa, số lượng, thời gian cần trợ giúp.

Các nhu cầu cần trợ giúp về chăm sóc sức khỏe, vệ sinh môi trường cần có sự phối hợp với nhân viên của trạm y tế để xác định cụ thể phù hợp với yêu cầu, kể cả nhân sự cần huy động cho công tác chăm sóc sức khỏe và vệ sinh môi trường.

Các kiến nghị nhu cầu trợ giúp phải thật sự thực tế sát với nhu cầu, lưu ý đến những người bị thiệt hại trong thiên tai, đặc biệt là nhóm người dễ bị tổn thương.

Sau khi nhận được các nhu cầu trợ giúp từ các thôn, Ban Chỉ huy phòng chống thiên tai sẽ tổng hợp, trên cơ sở hàng hóa, lương thực, thực phẩm và thuốc trị bệnh dự trữ sẽ ưu tiên cho việc triển khai cứu trợ, hỗ trợ những nơi bị thiệt hại nặng nhất đang có nhu cầu khẩn cấp; những nơi khác sẽ tiếp tục vận động và kêu gọi hỗ trợ từ trên để tiến hành cứu trợ sau.

c. Kiến nghị hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, vật tư, trang thiết bị, nhiên liệu thiết yếu khác để phục hồi sản xuất;

Thiên tai gây thiệt hại cho cây trồng, vật nuôi và sản xuất, Trưởng thôn sẽ phối hợp với cán bộ nông nghiệp của xã điều tra thiệt hại cụ thể đồng thời xác định những nhu cầu cần hỗ trợ báo cáo cho Ban Chỉ huy để kêu gọi và vận động trợ giúp.

Việc thống kê thiệt hại phải thật sự trung thực, vô tư, bảo đảm tính công khai, minh bạch và chính xác.

d. Tổ chức vệ sinh môi trường, phòng chống dịch bệnh ở khu vực bị tác động của thiên tai;

Sau thiên tai, Trưởng trạm y tế chịu trách nhiệm phối hợp với lực lượng dân quân tại chỗ và lực lượng ứng phó nhanh và các đoàn viên, hội viên của các tổ chức đoàn thể, tổ chức xã hội của xã huy động lực lượng tình nguyện viên tham gia công tác dọn dẹp, vệ sinh môi trường phòng ngừa dịch bệnh.

Các đoàn thể, tổ chức xã hội vận động huy động phương tiện, dụng cụ cùng với thuốc, hóa chất từ Trạm y tế tổ chức phun thuốc tiêu độc, chôn đốt rác và xác súc vật chết do thiên tai. Tuyên truyền và hướng dẫn cho người dân các biện pháp phòng chống dịch bệnh sau thiên tai.

e. Lập kế hoạch và đề xuất sửa chữa, khôi phục, nâng cấp công trình phòng, chống thiên tai, giao thông, thông tin, thủy lợi, điện lực, trường học, cơ sở y tế và công trình hạ tầng công cộng.

Phần này xã xem cụ thể các công trình gì cần khôi phục, sửa chữa, nâng cấp nhằm đảm bảo đáp ứng công tác phòng chống thiên tai

IV. Tổ chức thực hiện

1. Phân công trách nhiệm và tổ chức thực hiện

Chủ tịch UBND xã chỉ đạo cho các ban, ngành, đoàn thể, các tổ chức xã hội, các trường thôn đóng góp và hoàn thiện, phê duyệt bản Kế hoạch và tổ chức thực hiện;

a. Trách nhiệm của các trưởng thôn thực hiện Kế hoạch:

- Xác định các khu vực, vùng dễ bị tác động bởi thiên tai, thống kê lập danh sách các hộ, số người, chú ý đối tượng (người già, trẻ em, người bệnh mãn tính, người khuyết tật, phụ nữ có con nhỏ và đang cho con bú) báo cáo với Ban Chỉ huy để tổng hợp.
- Triển khai cụ thể kế hoạch, phương án sơ tán trong tình huống cảnh báo đến người dân đồng thời chịu trách nhiệm điều động, trợ giúp cho các hộ dân thực hiện sơ tán khi có cảnh báo thiên tai.
- Khảo sát các hộ gia đình có khả năng để vận động chủ hộ tham gia việc tiếp nhận nạn nhân sơ tán, đóng góp cứu trợ, phương tiện vận chuyển cho công tác phòng chống thiên tai tại địa phương.
- Vẽ bản đồ và xác định vị trí rủi ro, đường đi sơ tán của ấp và thông báo cho người dân biết để người dân chấp hành khi có lệnh sơ tán.
- Báo cáo tình hình thiệt hại và nhu cầu hỗ trợ, cứu trợ khi có thiên tai.
- Thường xuyên liên lạc với Thường trực Ban Chỉ huy từ khi có cảnh báo thiên tai đến khi thiên tai kết thúc và công tác phục hồi thiên tai kết thúc.
- Phối hợp với các lực lượng triển khai hoạt động ứng phó và phục hồi tại địa bàn phụ trách và sẵn sàng hỗ trợ cho các ấp khác khi có huy động.
- Tham dự các cuộc họp triển khai và các lớp tập huấn có liên quan đến công tác phòng chống thiên tai.

b. Các thành viên Ban Chỉ huy phòng chống thiên tai xã:

- Đóng góp ý kiến cho kế hoạch được hoàn chỉnh và cập nhật thông tin thường xuyên hàng năm.
- Quán triệt kế hoạch phòng, chống thiên tai; đồng thời từng ban, ngành, đoàn thể, tổ chức xã hội phải có kế hoạch chi tiết thực hiện theo chức năng nhiệm vụ được quy định trong Luật phòng chống thiên tai và theo kế hoạch này, bảo đảm sự phối hợp thực hiện tốt khi có thiên tai xảy ra.
- Các tổ chức đoàn thể như Đoàn Thanh niên, Hội Liên hiệp phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh, Hội Chữ thập đỏ, Hội người cao tuổi, Hội Khuyến học,... vận động đoàn viên, hội viên và người tình nguyện sẵn sàng tham gia, đóng góp, ủng hộ tài chính, phương tiện, vật tư, hàng hóa phục vụ cho công tác phòng ngừa, ứng phó và phục hồi thiên tai để giảm đến mức thấp nhất thiệt hại về người và tài sản cho nhân dân.

c. Tổ chức hội nghị triển khai và thông báo cho người dân về Kế hoạch đã được phê duyệt, đồng thời giải trình các hạng mục mà người dân đề nghị nhưng chưa đưa vào kế hoạch:

Kế hoạch được đóng góp ý kiến của các thành viên trong Ban Chỉ huy phòng chống thiên tai, các trưởng thôn và đại diện người dân để kế hoạch được hoàn chỉnh trình Chủ tịch UBND xã phê duyệt và được phổ biến đến người dân.

Hội nghị triển khai và thông báo kế hoạch được phê duyệt sẽ được tổ chức trong tháng 4 hàng năm (trước mùa thiên tai) với sự tham dự đầy đủ các thành viên Ban Chỉ huy phòng chống thiên tai, các trưởng thôn, đại diện các tổ chức tôn giáo, doanh nghiệp, tiểu thương và người dân trong xã.

Trưởng ban chỉ huy phòng, chống thiên tai xã có trách nhiệm trình bày và giải trình các hạng mục mà người dân đề nghị nhưng chưa đưa vào kế hoạch.

2. Xác định nguồn lực để thực hiện

Tổ chức, hộ gia đình và cá nhân trên địa bàn xã là lực lượng tại chỗ thực hiện Kế hoạch phòng, chống thiên tai này, bao gồm:

- a) Các nguồn lực từ các tổ chức chính trị xã hội trong xã; ví dụ: lực lượng dân quân tự vệ, Hội Phụ nữ, Hội Cựu chiến binh, Hội Chữ thập đỏ...
- b) Các nguồn vật tư, phương tiện, trang thiết bị, nhu yếu phẩm trong cộng đồng.
- c) Hệ thống thông tin, truyền thông công cộng.
- d) Quỹ phòng, chống thiên tai.
- e) Các nguồn đóng góp tự nguyện của tổ chức, cá nhân.
- f) Các nguồn hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước và các tổ chức khác.

3. Xây dựng tiến độ thực hiện, theo dõi, giám sát, đánh giá

Trong tiến độ thực hiện, theo dõi giám sát đánh giá cần xác định rõ thời gian cho từng hoạt động (Ví dụ: Thời gian diễn tập, thời gian hoàn thành việc thành lập các nhóm,

thành lập Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cấp xã, thời gian hoàn thành việc giám sát, đánh giá...).

Phần này xã sẽ căn cứ vào lịch thời gian của xã để xây dựng

4. Tổng kết báo cáo rút kinh nghiệm, cập nhật và chuẩn bị kế hoạch cho năm sau và những năm tiếp theo

Nêu ra được các bài học cần rút kinh nghiệm, những thông tin cần cập nhật, những hoạt động cần phải điều chỉnh ...

Biểu dương, khen thưởng, kỷ luật (nếu có); nhân rộng các điển hình tiên tiến, tham khảo chia sẻ thông tin với các xã bạn và cộng đồng.

Đề xuất kiến nghị với cấp có thẩm quyền giải quyết những việc còn tồn đọng.

Góp ý cho cấp trên về những chỉ đạo điều hành chưa hợp lý trong công tác phòng, chống thiên tai.

Phần này xã sẽ căn cứ vào công tác cụ thể các năm qua của xã để xây dựng hàng năm.

Nơi nhận:

- Ban Chỉ huy PCTT thị xã;
- Thành viên BCH PCTT;
- Các trưởng thôn;
- Lưu

CHỦ TỊCH

Bảng 1. Đặc điểm tự nhiên

STT	Tên mục	Nội dung	Ghi chú
I	Vị trí địa lý	<ul style="list-style-type: none"> - Phía Đông: Giáp với biển Đông. - Phía Tây: Giáp xã Xuân Lộc, Xuân Bình. - Phía Nam: Giáp xã Xuân Hòa. - Phía Bắc: Giáp thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định. 	
II	Địa hình	<p>Địa hình xã tương đối phức tạp, dốc thấp từ Đông sang Tây, là dãy cát dài từ phía Bắc vào Nam, phía Đông là biển Đông, độ dốc trung bình khoảng 4⁰, độ cao trung bình 50 m. Có 02 kiểu địa hình chính: Kiểu địa hình gò núi thấp, cao và kiểu địa hình thấp sen đầm vịnh.</p> <p>Nhìn chung, địa hình của Xã được phân chia thành hai vùng rõ rệt, đồi núi và đồng bằng nên thuận lợi cho canh tác phát triển sản xuất nông nghiệp, xây dựng cơ sở hạ tầng và nhà ở của nhân dân.</p>	
III	Sông ngòi	<ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống sông lớn chảy qua: - Đặc điểm sông: 	
IV	Giao thông	Xã có đường Quốc lộ 1D chạy dọc theo xã từ Bắc vào Nam đi qua 4 thôn 2,3,4,5	

Xuân Hải là một xã ven biển tại bán đảo Xuân Hải ở thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên, Nam Trung Bộ Việt Nam. Xã còn giáp đầm Cù Mông. Đây cũng là xã cực Bắc của Phú Yên, sát thành phố Quy Nhơn của tỉnh Bình Định). Khu vực xã Xuân Hải có địa hình chủ yếu là núi đá và cát trắng. Cây trồng ở đây chủ yếu là dừa. Cư dân xã này sống chủ yếu bằng nghề đánh các ven biển.

Địa lý[sửa | sửa mã nguồn]

Là xã nằm ở cực đông bắc tỉnh Phú Yên trên tuyến đường quốc lộ 1D (Quy Nhơn - Sông Cầu). phía đông giáp biển đông, phía tây giáp đầm Cù Mông bên kia là 2 xã Xuân Lộc & Xuân Bình, phía nam giáp với xã Xuân Hòa, phía bắc giáp với tp Quy Nhơn - Bình Định.

- Địa hình: Là xã có diện tích theo chiều dài, phía đông là biển, phía tây là đầm Cù Mông. phần lớn là đất đồng bằng.

Hành chính

Gồm có 5 thôn đánh số từ 1 đến 5:

6. Thôn 1: chủ yếu là đồng lúa
7. Thôn 2: là thôn giáp biển, phát triển du lịch với các bãi tắm đẹp (Bãi Bầu, Bãi Rạng...)
8. Thôn 3: là thôn trung tâm của xã- UBND xã Xuân Hải, chợ Xuân Hải, ngân hàng, bưu điện, trường học nằm trên địa bàn này
9. Thôn 4: là làng du lịch nằm trong dự án triển khai của tỉnh Phú Yên
10. Thôn 5: phát triển công nghiệp với Khu công nghiệp Đông Bắc Sông Cầu.

Lịch sử

Là xã tách ra từ xã Xuân Lộc năm 1985

Giao thông

Tuyến đường Quốc lộ 1D chạy qua 4 thôn: 2, 3, 4, 5

Tuyến đường liên xã Xuân Hải - Xuân Bình ở thôn 5, và đây là đoạn cuối của tuyến đường này.

Tất cả các thôn đều có các con đường bê tông rộng thoáng

Con người

Người dân chủ yếu là dân tộc Kinh, đa số là làm ngư dân, nuôi trồng thủy sản, phần ít làm nghề nông

Ẩm thực

Nổi tiếng với các món ăn hải sản: Cua, ghẹ hoa, ghẹ đá, ghẹ gạch, mực ống, mực lá, tôm hùm, tôm sú, tôm bột, cá thu, cá mú, các loại mắm. Cùng với các quán bèo nằm ngay trên đầm Cù Mông, thu hút nhiều du khách đến từ Bình Định, Gia Lai.

Giáo Dục[sửa | sửa mã nguồn]

Xã có 1 trường trung học cơ sở và 2 trường tiểu học:

- Trường tiểu học số 1 Xuân Hải (thôn 3)
- Trường tiểu học số 2 Xuân Hải (thôn 5)
- Trường THCS Tô Vĩnh Diện (thôn 3)

Bảng 2. Đặc điểm dân sinh, kinh tế - xã hội và cơ sở hạ tầng

STT	Tên mục	Đơn vị	Tổng toàn xã	Phân chia theo thôn					Ghi chú
				1	2	3	4	...	
<i>1</i>	<i>Dân cư</i>								
1	Tổng số hộ	Hộ	2.287						
2	Tổng số dân	Người	10.045						
	<i>Nam</i>	Người	5.137						
	<i>Nữ</i>	Người	4.908						
3	Cơ cấu độ tuổi								
	<i>Trẻ em (Dưới 16 tuổi)</i>	Người							
	<i>Thanh niên và Trung niên (Từ 16-60 tuổi)</i>	Người	6.962						
	<i>Người già (Trên 60 tuổi)</i>	Người	865						
4	Số lao động trong độ tuổi								
	<i>Nam (16-60)</i>	Người	3472						
	<i>Nữ (16-55)</i>	Người	3490						
5	Dân tộc								
	<i>Kinh</i>	Người	10.045						

6	Tôn giáo	Tín đồ	490						
	...								
II	Ngành nghề chính/Nguồn thu nhập								
1	Nông nghiệp								
	<i>Diện tích trồng trọt</i>	ha	10,1						
	<i>Số lượng gia súc, gia cầm...</i>	con	6.498						
	<i>Số lao động trong ngành</i>	Người							
	...								
2	Nuôi trồng thủy hải sản, đánh bắt cá								
	<i>Diện tích nuôi trồng thủy hải sản</i>	ha	153						
	<i>Số lao động trong ngành</i>	Người							
	...								
3	Công nghiệp								
	<i>Số lao động trong ngành</i>	Người	650						
	...								
4	Tiểu thủ công nghiệp								
	<i>Số hộ gia đình trong ngành</i>	Người	492						
	...								
III	Cơ sở hạ tầng, vật chất								
1	Công trình công cộng								
	<i>Trường học</i>	Cái	05						

	<i>Trạm y tế</i>	Cái	01						
	<i>Hội trường, nhà văn hóa</i>	Cái	01						
	...								
2	Nhà ở								
	<i>Nhà kiên cố</i>	Cái	65	5	1 3	2 1	1 6	1 0	
	<i>Nhà tạm, dễ sập</i>	Cái	21	1 0	2	3	3	3	
	<i>Nhà ven sông</i>	Cái	13		1 3				
3	Hệ thống giao thông								
	<i>Đường đất</i>	Km	6,24 2						
	<i>Đường bê tông</i>	Km	7,52 0						
	<i>Cầu cống kiên cố</i>	Km							
	...								
4	Hệ thống đường điện								
	<i>Trạm biến áp</i>	Cái	36 trạm /11. 570K VA						
	<i>Đường dây điện</i>	Km	25.0 28k m đườ ng dây trun g áp, 11.1 08k						

			m đườ ng dây hạ áp						
	...								
5	Hệ thống nước sinh hoạt								
	<i>Công trình nước sạch</i>	Cái	01						
	<i>Giếng nước sạch</i>	Cái	75						
6	Hệ thống thông tin liên lạc								
	<i>Trạm phát thanh</i>	Cái	01			3			
	<i>Loa phóng thanh</i>	Cái	24	4	4	6	5	5	

Bảng 4. Các yếu tố dễ bị tổn thương

STT	Tên mục	Đ ơ n vị	Tổng toàn xã	Phân chia theo thôn					Ghi chú
				1	2	3	4	...	
<i>1</i>	<i>Con người</i>								

1	Trẻ em	N g ư ờ i	2.084						
2	Người già	N g ư ờ i	152						
3	Người khuyết tật	N g ư ờ i	217						
4	Phụ nữ đang mang thai, nuôi con dưới 12 tháng tuổi	N g ư ờ i	211						
5	Phụ nữ đơn thân	N g ư ờ i							
6	Số người nghèo	N g ư ờ i	565						
7	Người bị bệnh hiểm nghèo	N g ư ờ i	12						
8	Số người bị sơ tán, di dời trước thiên tai	N g ư ờ i	160						
II	Cơ sở hạ tầng								
1	Nhà tạm, dẽ sập	C á i	21						
2	Nhà ven sông, ven suối	C	13						

		ái							
III	Sản xuất								
1	Vùng dễ bị ngập lụt	h a	618, 22	1 0 , 1	6 0 8 , 1 2				
2	Vùng dễ bị hạn hán	h a							
	...								

Bảng 5. Nguồn lực

STT	Tên mục	Đơn vị	Tổng toàn xã	Phân chia theo thôn					Ghi chú
				1	2	3	4	...	
I	Con người								
1	Ban chỉ huy các cấp Thành phần:	Người	35						
2	Lực lượng cơ động Thành phần:	Người	24						
3	Lực lượng thanh niên xung kích Thành phần:	Người	21						
4	Lực lượng dự bị động viên Thành phần:	Người	159						
5	Lực lượng dân quân Thành phần:	Người	27						
6	Lực lượng cứu hộ cứu nạn	Người	186						

	Thành phần:								
7	Lực lượng y tế	Người	12						
	...								
II	Cơ sở hạ tầng								
1	Đường bê tông, đường di tản an toàn	Km	7,520						
2	Nhà kiên cố là nơi trú ẩn an toàn	Cái	65						
3	Hệ thống đê bao, bờ bao	Km							
	...								
III	Vật tư, phương tiện, trang thiết bị, hậu cần								
1	Trang thiết bị cứu hộ cứu nạn								
	Ô tô	Cái	20						
	Thuyền máy	Cái	318						
	Thuyền cứu hộ	Cái	0						
	Áo phao	Cái	28						
	Phao cứu sinh	Cái	50						
	...								
2	Hệ thống thông tin liên lạc								
	Trạm phát thanh	Cái	01						
	Loa phóng thanh	Cái	24						
	Điện thoại liên lạc	Cái	9.050						
3	Vật tư dự trữ								
	Tre, nứa...	Cây							
	Bao tải cát, rọ thép	Cái							

	<i>Bạt</i>	Cái								
	<i>Dây buộc</i>	Cuộn								
	<i>Cát, đá, sỏi</i>	Tấn								
	...									
4	Lương thực, thực phẩm dự trữ									
	<i>Gạo</i>	Kg								
	<i>Nước uống</i>	Lít								
	<i>Mì tôm</i>	Thùng								
	...									
5	Dụng cụ y tế									
	<i>Hộp thuốc dự phòng</i>	Cái								
	...									

Bảng 6. về một số hoạt động cụ thể

TT	Hoạt động	Đơn vị	Thời gian	Số lượng	Địa điểm	Tổng toàn xã	Phân chia theo thôn					Ghi chú
							1	2	3	4	...	
1	Tổ chức phòng ngừa											
	<i>Số buổi tuyên truyền, phổ biến kiến thức nâng cao nhận thức cộng đồng</i>	Buổi										
	<i>Số người</i>	Người										

	<i>được tuyên truyền, phổ biến kiến thức nâng cao nhận thức cộng đồng</i>											
	<i>Các tin được phát trên trạm phát thanh, loa đài</i>	Lần										
	<i>Tổ chức diễn tập</i>	Lần										
	...											
2	<i>Hoạt động ứng phó</i>											
	<i>Số nhà cửa được chăng chống</i>	Cái										
	<i>Sơ tán, di dời dân</i>	Người										
	<i>Diện tích hoa màu được thu hoạch sớm</i>	Ha										
											
3	<i>Tổ chức</i>											

khắc phục, hậu quả											
...											

Bảng 1. Đặc điểm tự nhiên

STT	Tên mục	Nội dung	Ghi chú
I	Vị trí địa lý	Phía Bắc giáp:..... Phía Nam giáp:.... Phía Đông giáp:... Phía Tây giáp:....	
II	Địa hình	- Đồng bằng - Vùng ven biển - Vùng trũng - Miền núi - Trung du....	
III	Sông ngòi	- Hệ thống sông lớn chảy qua: - Đặc điểm sông:	
IV	Đất đai	- Tổng diện tích đất tự nhiên:.....ha - Đất thổ cư:.....ha - Đất nông nghiệp:.....ha + Đất trồng lúa:.....ha + Đất trồng cây:.....ha + Đất rừng:.....ha + Đất nuôi trồng thủy sản:.....ha - Đất khác:....	
	...		

Bảng 2. Đặc điểm dân sinh, kinh tế - xã hội và cơ sở hạ tầng

STT	Tên mục	Đơn vị	Tổng toàn xã	Phân chia theo thôn					Ghi chú
				1	2	3	4	...	
I	Dân cư								
1	Tổng số hộ	Hộ							
2	Tổng số dân	Người							
	<i>Nam</i>	Người							
	<i>Nữ</i>	Người							
3	Cơ cấu độ tuổi								
	<i>Trẻ em (Dưới 16 tuổi)</i>	Người							
	<i>Thanh niên và Trung niên (Từ 16-60 tuổi)</i>	Người							
	<i>Người già (Trên 60 tuổi)</i>	Người							
4	Số lao động trong độ tuổi								
	<i>Nam (16-60)</i>	Người							
	<i>Nữ (16-55)</i>	Người							
5	Dân tộc								
	<i>Kinh</i>	Người							
	<i>Khác</i>	Người							
	...								

6	Tôn giáo								
	...								
II	Ngành nghề chính/Nguồn thu nhập								
1	Nông nghiệp								
	<i>Diện tích trồng trọt</i>	ha							
	<i>Số lượng gia súc, gia cầm...</i>	con							
	<i>Số lao động trong ngành</i>	Người							
	...								
2	Lâm nghiệp								
	<i>Diện tích trồng rừng</i>	Ha							
	<i>Số lao động trong ngành</i>	Người							
	...								
3	Nuôi trồng thủy hải sản, đánh bắt cá								
	<i>Diện tích nuôi trồng thủy hải sản</i>	ha							
	<i>Số lao động trong ngành</i>	Người							
	...								
4	Công nghiệp								
	<i>Số lao động trong ngành</i>	Người							
	...								
5	Tiểu thủ công nghiệp								
	<i>Số hộ gia đình trong ngành</i>	Hộ							

6	Nghề khác								
	...								
III	<i>Cơ sở hạ tầng, vật chất</i>								
1	Công trình công cộng (có thể tận dụng làm nơi trú ẩn an toàn)								
	<i>Trường học</i>	Cái							
	<i>Trạm y tế</i>	Cái							
	<i>Hội trường, nhà văn hóa</i>	Cái							
	...								
2	Nhà ở								
	<i>Nhà kiên cố (có thể tận dụng làm nơi trú ẩn an toàn)</i>	Cái							
	<i>Nhà tạm, dễ sập</i>	Cái							
	<i>Nhà ven sông</i>	Cái							
	<i>Nhà ven núi</i>	Cái							
								
3	Hệ thống giao thông								
	<i>Đường đất</i>	Km							
	<i>Đường bê tông</i>	Km							
	<i>Cầu cống kiên cố</i>	Km							
	...								
4	Hệ thống thủy lợi								
	<i>Đê</i>	Km							
	<i>Hồ chứa</i>	Cái							

	<i>Kênh mương</i>	Km							
	...								
5	Hệ thống đường điện								
	<i>Trạm biến áp</i>	Cái							
	<i>Đường dây điện</i>	Km							
	...								
6	Hệ thống nước sinh hoạt								
	<i>Công trình nước sạch</i>	Cái							
	<i>Giếng nước sạch</i>	Cái							
	...								
7	Hệ thống thông tin liên lạc								
	<i>Trạm phát thanh</i>	Cái							
	<i>Loa phóng thanh</i>	Cái							
	...								

Bảng 3. Tình hình thiên tai gần đây (5 – 10 năm)

STT	Thiên tai	Thời gian xảy ra	Khu vực bị ảnh hưởng	Thiệt hại	Bài học kinh nghiệm nhằm giảm thiệt hại	Ghi chú
1	Bão	Tháng... năm...	Thôn...	- Số người chết, bị thương - Số nhà sập, tốc mái.	- Xây dựng kế hoạch Phòng, chống thiên tai cụ thể, chi tiết và sát thực...	

				<ul style="list-style-type: none"> - Giảm năng suất và thiệt hại về cây trồng. - Gia súc-gia cầm chết, bị cuốn trôi - Hư hỏng sản phẩm sản xuất ... 	<ul style="list-style-type: none"> - Cảnh báo sớm - Tổ chức di dời dân - Chằng chống nhà cửa - Tổ chức thu hoạch sớm - Kê cao đồ đạc - Chặt tỉa cành cây ... 	
2	Lũ					
3	Lũ quét					
	...					

Bảng 4. Các yếu tố dễ bị tổn thương

STT	Tên mục	Đơn vị	Tổng toàn xã	Phân chia theo thôn					Ghi chú
				1	2	3	4	...	
I	Con người								
1	Trẻ em	Người							
2	Người già	Người							
3	Người khuyết tật	Người							

4	Phụ nữ đang mang thai, nuôi con dưới 12 tháng tuổi	Người							
5	Phụ nữ đơn thân	Người							
6	Số hộ nghèo	Hộ							
7	Người bị bệnh hiểm nghèo	Người							
8	Số người bị sơ tán, di dời trước thiên tai	Người							
	...								
II	Cơ sở hạ tầng								
1	Nhà tạm, dẽ sập	Cái							
2	Nhà ven sông, ven suối	Cái							
3	Nhà ven núi, sườn đồi, mái dốc	Cái							
	...								
III	Sản xuất								
1	Vùng dễ bị ngập lụt	ha							
2	Vùng dễ bị hạn hán	ha							
	...								

Bảng 5. Nguồn lực

STT	Tên mục	Đơn vị	Tổng toàn xã	Phân chia theo thôn					Ghi chú
				1	2	3	4	...	
I	Con người								
1	Ban chỉ huy các cấp Thành phần:	Người							

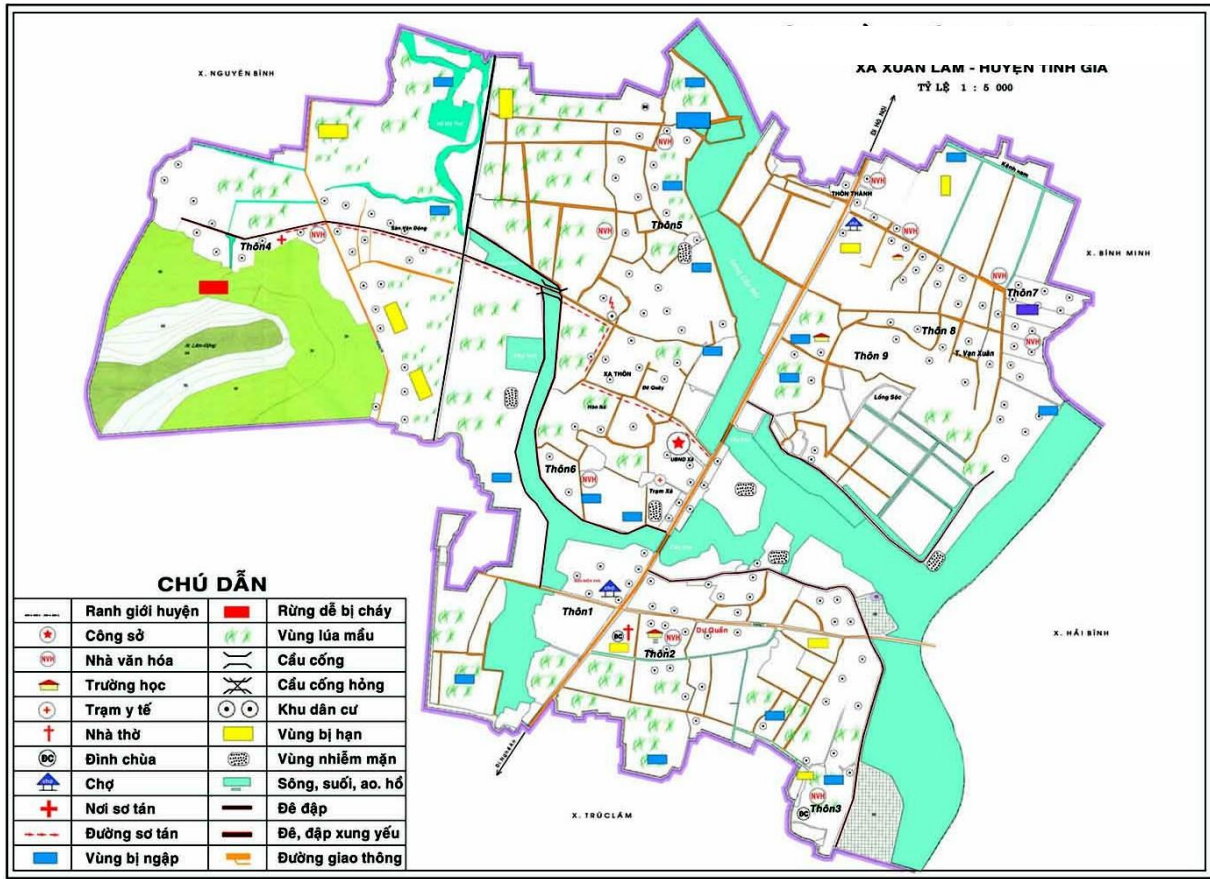
2	Lực lượng cơ động Thành phần:	Người							
3	Lực lượng thanh niên xung kích Thành phần:	Người							
4	Lực lượng dự bị động viên Thành phần:	Người							
5	Lực lượng dân quân Thành phần:	Người							
6	Lực lượng cứu hộ cứu nạn Thành phần:	Người							
7	Lực lượng y tế	Người							
	...								
II	<i>Cơ sở hạ tầng</i>								
1	Đường bê tông, đường đi tản an toàn	Km							
2	Nhà kiên cố là nơi trú ẩn an toàn	Cái							
3	Hệ thống đê bao, bờ bao	Km							
	...								
III	<i>Vật tư, phương tiện, trang thiết bị, hậu cần</i>								
1	Trang thiết bị cứu hộ cứu nạn								
	Ô tô	Cái							
	Thuyền máy	Cái							
	Thuyền cứu hộ	Cái							
	Áo phao	Cái							
	Phao cứu sinh	Cái							

	...								
2	Hệ thống thông tin liên lạc								
	<i>Trạm phát thanh</i>	Cái							
	<i>Loa phóng thanh</i>	Cái							
	<i>Điện thoại liên lạc</i>	Cái							
	...								
3	Vật tư dự trữ								
	<i>Tre, nứa...</i>	Cây							
	<i>Bao tải cát, rọ thép</i>	Cái							
	<i>Bạt</i>	Cái							
	<i>Dây buộc</i>	Cuộn							
	<i>Cát, đá, sỏi</i>	Tấn							
	...								
4	Lương thực, thực phẩm dự trữ								
	<i>Gạo</i>	Kg							
	<i>Nước uống</i>	Lít							
	<i>Mì tôm</i>	Thùng							
	...								
5	Dụng cụ y tế								
	<i>Hộp thuốc dự phòng</i>	Cái							
	...								

Bảng 6. Một số hoạt động cụ thể

STT	Hoạt động	Đơn vị	Thời gian	Số lượng	Địa điểm	Tổng toàn xã	Phân chia theo thôn					Ghi chú
							1	2	3	4	...	
1	Tổ chức phòng ngừa											
	<i>Số buổi tuyên truyền, phổ biến kiến thức nâng cao nhận thức cộng đồng</i>	Buổi										
	<i>Số người được tuyên truyền, phổ biến kiến thức nâng cao nhận thức cộng đồng</i>	Người										
	<i>Các tin được phát trên trạm phát thanh, loa đài</i>	Lần										
	<i>Tổ chức diễn tập</i>	Lần										
	<i>Xây dựng công trình quy mô nhỏ</i>											
	...											
2	Hoạt động ứng phó											
	<i>Số nhà cửa được chằng chống</i>	Cái										
	<i>Sơ tán, di dời dân</i>	Người										
	<i>Diện tích hoa màu được thu hoạch sớm</i>	Ha										
											
3	Tổ chức khắc phục, hậu quả											
	...											

Ví dụ về Sơ đồ rủi ro thiên tai do người dân tự vẽ tại xã Xuân Lâm – Huyện Tĩnh Gia – tỉnh Thanh Hóa:



(Nguồn: Dự án tăng cường năng lực chống chịu thông qua thực hiện Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng – BRICK)